

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
KHOA TIỂU HỌC – MÀM NON

NGUYỄN HÀ LINH CHI

**THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRONG  
“CHUYỆN NGÀY XƯA - MỘT TRĂM CỔ TÍCH”  
CỦA TÔ HOÀI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**  
**Mã sinh viên: 2152020117**

**NINH BÌNH, (2021)**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
KHOA TIỂU HỌC – MẦM NON

NGUYỄN HÀ LINH CHI

**THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRONG  
“CHUYỆN NGÀY XƯA - MỘT TRĂM CỔ TÍCH”  
CỦA TÔ HOÀI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**  
**Mã sinh viên: 2152020117**

**Người hướng dẫn: TS. Tạ Hoàng Minh**

**NINH BÌNH, (2021)**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng kết quả nghiên cứu trong khóa luận *Thế giới nhân vật trong “Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích” của Tô Hoài* này là trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác. Tôi cũng xin cam đoan rằng mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn này đã được cảm ơn và các thông tin trích dẫn trong luận văn đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Ninh Bình, ngày 8 tháng 6 năm 2021

**Người cam đoan**

**Nguyễn Hà Linh Chi**

## **XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

Đề tài *Thế giới nhân vật trong “Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích” của Tô Hoài* của tác giả Nguyễn Hà Linh Chi là công trình nghiên cứu không trùng lặp và chưa được công bố dưới bất kỳ hình thức nào. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Ninh Bình, ngày 8 tháng 6 năm 2021

**Người hướng dẫn**

**TS. Tạ Hoàng Minh**

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	1
1. Lý do chọn đề tài .....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu .....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	4
5. Phương pháp nghiên cứu .....	4
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn .....	5
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG .....	7
1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN .....	7
1.1.1. Truyện cổ tích .....	7
1.1.2. Truyện cổ tích viết lại .....	11
1.1.3. Nhân vật và thế giới nhân vật .....	16
1.2. TÔ HOÀI VÀ CÁC SÁNG TÁC VIẾT CHO THIẾU NHI .....	20
1.2.1. Vài nét về cuộc đời .....	20
1.2.2. Các sáng tác dành cho thiếu nhi .....	24
1.2.3. Truyện cổ tích viết lại của Tô Hoài .....	27
Chương 2: THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRONG “CHUYỆN NGÀY XƯA - MỘT TRĂM CỔ TÍCH” CỦA TÔ HOÀI .....	32
2.1. THẾ GIỚI NHÂN VẬT PHONG PHÚ, ĐA DẠNG .....	32
2.1.1. Nhân vật là con người .....	32
2.1.2. Nhân vật là con vật .....	45
2.1.3. Các nhân vật khác .....	48
2.2. THẾ GIỚI NHÂN VẬT PHẢN CHIẾU CUỘC SỐNG CỦA CON NGƯỜI .....	51
2.2.1. Phong tục tập quán .....	51
2.2.2. Lao động sản xuất .....	53
Chương 3: NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRONG “CHUYỆN NGÀY XƯA - MỘT TRĂM CỔ TÍCH” CỦA TÔ HOÀI .....	57
3.1. NGHỆ THUẬT MIÊU TẢ NGOẠI HÌNH NHÂN VẬT .....	57

3.2. NGHỆ THUẬT MIÊU TẢ TÍNH CÁCH TÂM LÝ NHÂN VẬT .....	60
3.3. NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG MÂU THUÃN XUNG ĐỘT .....	63
PHẦN KẾT LUẬN .....	71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	73

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Tô Hoài (1920 - 2014) là một trong những nhà văn lớn của nền văn học Việt Nam hiện đại. Trong hơn sáu mươi năm lao động nghệ thuật, ông đã có gần 200 tác phẩm thuộc nhiều thể loại khác nhau: truyện ngắn, truyện dài kỳ, hồi ký, kịch bản phim, tiểu luận và kinh nghiệm sáng tác. Ở đó, ông đã dành nhiều tâm huyết cho mảng truyện thiếu nhi. Ngoài những truyện viết về loài vật, về những tấm gương anh hùng trong cách mạng và kháng chiến, về cuộc sống mới... còn có mảng truyện được viết lại từ những câu chuyện dân gian.

Tô Hoài đến với truyện thiếu nhi một cách rất tự nhiên: trước cách mạng tháng 8 – 1945, *Dế mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài ra đời khi tác giả mới 17 tuổi. Với tác phẩm tiêu biểu này Tô Hoài được đánh giá là nhà văn tiên phong bắt đầu dòng văn học viết cho thiếu nhi ở Việt Nam. Ông quan niệm khi viết truyện cho thiếu nhi là phải làm cho thiếu nhi thích bằng những câu chuyện vui, hóm hỉnh, sinh động và quen thuộc, gần gũi với các em. Ông cũng cho rằng dù viết cho thiếu nhi hay người lớn cũng phải giải thích. Điều đặc biệt trong những tác phẩm của Tô Hoài lúc nhỏ đọc đã thích nhưng mới hiểu được một phần, sau này lớn lên, vẫn đọc giả ấy lại đọc lần nữa, tự tìm ra những cái hay mới. Người lớn cũng từng trải càng ngẫm những điều hay trong tác phẩm Tô Hoài.

Tô Hoài chưa bao giờ xem việc sáng tác cho thiếu nhi là công việc của tay trái, hoặc chỉ để đổi tay. Lúc nào các em cũng thấy ông hiện diện cùng mình. Và không phải là một sự hiện diện mờ nhạt, bởi mỗi sáng tác cho thiếu nhi của Tô Hoài, dẫu ở trong hoàn cảnh nào, cũng đều được viết với ý thức lao động công phu nhất, và với mục tiêu đạt được sự hoàn thiện tối ưu... Có thể kể tên các tác phẩm tiêu biểu của ông như: *Đảo hoang*, *Chuyện nỏ thần*, *Nhà Chử*,... *Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích* của Tô Hoài là tập hợp các tác phẩm viết cho thiếu nhi, đề cập đến nhiều chủ đề Cổ tích, Thần tiên, Lịch sử...; là tập hợp những câu chuyện cổ tích từ thuở xa xưa được nhà văn kể lại như: *Cây nêu ngày Tết*, *Bánh chưng*, *bánh giầy*, *Á Chử*, *chàng Nguru*, *Cây tre trăm đốt*,

*Tám Cám, Của Thiên trả Địa...* Mỗi câu chuyện đều gửi gắm trong mình những bài học sâu sắc và ý nghĩa. Đúng như nhà văn Tô Hoài từng tâm sự: “Cổ tích mang diện mạo và tâm hồn người. Mọi mặt góc gác, nền nếp và truyền thống đều in hình bóng tuyệt vời trong cổ tích. Nghe cổ tích, ngắm cổ tích, thấy được và cắt nghĩa được tất cả con cơ tồn tại, ta sinh sôi. Cái cười, rùng rùng cười trong cổ tích Việt Nam sâu xa lòng tin và nghị lực.”[10, tr.4]

Chúng tôi nhận thấy được vai trò của việc giáo dục học sinh thông qua thế giới nhân vật là phương thức cung cấp cho học sinh những kiến thức, những cách ứng xử và hình thành nhân cách cho học sinh. Chính vì vậy chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: ***Thế giới nhân vật trong “Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích” của Tô Hoài*** làm khóa luận tốt nghiệp đại học.

## **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu**

Viết lại truyện cổ là nguồn cảm hứng vô tận đối với các nhà văn viết cho thiếu nhi. Trên thế giới có rất nhiều nhà văn viết cho thiếu nhi như: hai anh em học giả người Đức, Jacob và Wilhelm Grimm với *Cô Bé Quàng Khăn Đỏ, Công Chúa Ngủ Trong Rừng, Công chúa Lọ Lem...* hay nhà văn truyện cổ tích người Đan Mạch Andersen với truyện *Nàng Tiên Cá, Bà Chúa Tuyết...* Ở Việt Nam, phải kể đến một số nhà văn nổi tiếng như: Tô Hoài, Võ Quảng, Phạm Hồ... Gọi là cổ, nhưng trong đời sống, xét đến cùng, những gì mang tính phổ quát, không bao giờ cổ. Các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, giữa con người với con người, dù đơn giản hay phức tạp thời nào cũng có.

Theo khảo sát của chúng tôi, mảng truyện viết cho thiếu nhi của Tô Hoài cũng có rất nhiều những công trình nghiên cứu lớn nhỏ khác nhau. Tác giả Phan Cự Đệ khẳng định sự thành công của Tô Hoài trong mảng truyện viết cho thiếu nhi là Tô Hoài viết lại truyện xưa, tích cũ theo hướng mới nhằm giáo dục thế hệ trẻ đồng thời ông cũng bổ sung thêm vào kho tàng văn học cho mai sau. Tác giả Hà Minh Đức nhận xét về đặc điểm truyện dành cho thiếu nhi của Tô Hoài: ông đã thể hiện rõ lòng yêu mến, sự hiểu biết sâu sắc



về truyền thống bao đời nay của ông cha ta để viết nên các câu truyện mang đậm màu sắc dân tộc ta.

Với mảng truyện dân gian viết lại mà Tô Hoài dành cho thiếu nhi cũng có nhiều công trình nghiên cứu và những nhận xét, đánh giá. Theo khảo sát ban đầu của chúng tôi, có một số nghiên cứu về các tác phẩm của Tô Hoài như: khóa luận *Thế giới nhân vật trong truyện viết cho thiếu nhi của Tô Hoài (Qua một số sáng tác về đề tài lịch sử)* của tác giả Vũ Thị Phương, trường Đại học sư phạm Hà Nội 2 (2014) nghiên cứu khái quát về văn học thiếu nhi và các loại nhân vật trong truyện viết cho thiếu nhi về đề tài lịch sử của Tô Hoài. Qua đó, tác giả phân tích nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện viết cho thiếu nhi của Tô Hoài qua một số sáng tác về đề tài lịch sử. Luận văn *Thế giới nhân vật trong truyện dân gian viết lại dành cho thiếu nhi của Tô Hoài* của tác giả Vũ Thị Hợp, trường Đại học Vinh (2012) tác giả tìm hiểu vị trí của mảng truyện dân gian viết lại dành cho thiếu nhi trong sự nghiệp sáng tác của Tô Hoài, tác giả phân tích quan niệm nghệ thuật về con người và thế giới nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện dân gian viết lại dành cho thiếu nhi của Tô Hoài. Luận văn *Đặc điểm truyện dân gian viết lại của Tô Hoài* của tác giả Phạm Thị Minh Nhân, trường Đại học Vinh (2012) tập trung tìm hiểu các vấn đề liên quan đến truyện dân gian viết lại trong sự nghiệp sáng tác của Tô Hoài từ đó phân tích cảm nhận của nhà văn về cuộc sống qua mảng truyện dân gian viết lại và nghệ thuật kể chuyện của Tô Hoài trong những truyện dân gian viết lại dành cho thiếu nhi, ... Với tập truyện *Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích* đến nay mới có một luận văn thạc sĩ *Chất liệu dân gian trong Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích của Tô Hoài* viết về chất liệu dân gian trong cốt truyện và các nhân vật trong truyện *Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích* của Tô Hoài. Tác giả luận văn phân tích về loại nhân vật mang đậm tính cổ tích và tìm hiểu về sự tương đồng và khác biệt giữa nhân vật trong *Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích* của Tô Hoài và *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*.

Như vậy, cho đến nay đã có khá nhiều những bài viết, công trình nghiên cứu về truyện Tô Hoài nói chung và truyện thiếu nhi Tô Hoài, đặc biệt là mảng truyện dân gian viết lại. Tuy nhiên, viết về thế giới nhân vật của mảng truyện này vẫn là một vấn đề còn bỏ ngỏ. Trên cơ sở những công trình quý báu của những người đi trước, chúng tôi hy vọng đề tài có ý nghĩa đối với độc giả yêu thích truyện dân gian viết lại cho thiếu nhi của Tô Hoài và đóng góp một cái nhìn rõ nét hơn về thế giới nhân vật trong mảng truyện đó.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích**

Tìm hiểu thế giới nhân vật trong *Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích* của Tô Hoài để chỉ ra những nét sáng tạo, đặc trưng trong sáng tác của Tô Hoài, làm sáng tỏ những ảnh hưởng, dấu ấn của truyện cổ tích dân gian trong tác phẩm của ông.

#### **3.2. Nhiệm vụ**

- Tìm hiểu những vấn đề lí luận văn học có liên quan đến đề tài.
- Phân tích và khái quát hóa những đặc điểm của thế giới nhân vật trong *Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích* của Tô Hoài.
- Tìm hiểu nghệ thuật xây dựng thế giới nhân vật trong *Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích* của Tô Hoài.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng**

Thế giới nhân vật trong *Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích* của Tô Hoài.

#### **4.2. Phạm vi**

Khảo sát và tìm hiểu 57 câu chuyện trong *Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích (2 tập)* của Tô Hoài – Nhà xuất bản Kim Đồng, năm 2015.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện khóa luận, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: phân tích những đặc điểm của nhân vật; phân tích nghệ thuật miêu tả ngoại hình, diễn biến tâm lí nhân vật,... từ đó tổng hợp và đưa ra nhận xét khái quát.

- Phương pháp phân loại và hệ thống: phân loại là sắp xếp các truyện theo các nhóm: nhân vật là con người, nhân vật là con vật, các nhân vật khác. Từ đó hệ thống các đặc điểm tiêu biểu của từng nhóm.

- Phương pháp thống kê: phương pháp này sử dụng chủ yếu trong quá trình chúng tôi khảo sát và phân loại hệ thống nhân vật rất phong phú của tập truyện.

- Phương pháp so sánh: sử dụng để tìm ra nét riêng biệt về nội dung và nghệ thuật của tác giả nói chung và của tập truyện nói riêng từ đó so sánh với các tác giả văn học thiếu nhi khác viết về cùng chủ đề.

- Phương pháp loại hình: phân loại các nhân vật để xác định danh tính và ý nghĩa của chúng trong hệ thống nhân vật.

- Phương pháp tiếp cận tác phẩm theo hướng thi pháp học: tìm hiểu quan niệm nghệ thuật về con người từ đó phân tích cách nhà văn gọi tên nhân vật như thế nào, miêu tả nhân vật như thế nào, miêu tả tâm lí nhân vật như thế nào.

## **6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn**

### **6.1. Ý nghĩa khoa học**

Khóa luận nghiên cứu về thế giới nhân vật trong truyện *Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích* của Tô Hoài nhằm bước đầu đưa ra cái nhìn hệ thống về thế giới nhân vật trong *Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích* của Tô Hoài. Đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng thế giới nhân vật trong mảng truyện cổ tích viết lại của Tô Hoài. Đồng thời, tiếp tục khẳng định vị thế, đóng góp của Tô Hoài trong nền văn học thiếu nhi nói chung, thể loại truyện cổ tích viết lại nói riêng.

## ***6.2. Ý nghĩa thực tiễn***

Nghiên cứu về vấn đề này để giúp chúng tôi hiểu thêm về mối quan hệ giữa văn hóa với đời sống xã hội, về những đặc trưng thi pháp của nghệ thuật cổ xưa, những nét riêng của văn học dân gian. Đồng thời, nghiên cứu về vấn đề này sẽ giúp chúng tôi rèn kỹ năng nghiên cứu khoa học, tìm hiểu về Tô Hoài và mảng truyện cổ viết lại của ông để vận dụng trong quá trình học tập và giảng dạy.

## Chương 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

#### 1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

##### 1.1.1. Truyện cổ tích

Trong kho tàng văn học Việt Nam, văn học dân gian là tinh hoa của ông cha để lại cho thế hệ sau. Truyện cổ tích là những câu chuyện được mẹ kể cho con, bà kể cho cháu truyền từ đời này sang đời khác. “Những câu chuyện đã nghìn đời chông chất, biết ai đầu tiên kể, mãi mãi vẫn chấp nói, chấp nói cho tới thời có chữ ghi lại...” [11, tr.3] Từ thuở ấu thơ ta thường được nghe bà, nghe mẹ kể về ông bụt, bà tiên hay giúp đỡ người bất hạnh hay tên phú ông keo kiệt luôn tìm cách vơ vét làm giàu cho bản thân mà đối xử tẻ bạc với người làm,... Những câu chuyện đã thấm nhuần vào trong suy nghĩ của chúng ta cùng với nó là những bài học lời răn dạy mà ông cha để lại cho con cháu thế hệ sau về lối sống, cách đối nhân xử thế hay về những câu chuyện mang đầy tình người.

Vậy truyện cổ tích là gì? Mới nghe, câu hỏi tưởng như thừa, vì chỉ bằng kinh nghiệm tiếp xúc với truyện cổ tích, mọi người dường như đã có thể cảm nhận được truyện cổ tích là gì. Tuy nhiên, trên thực tế tài liệu về truyện cổ tích lại hết sức đa dạng, phức tạp. Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về truyện cổ tích.

Theo *Từ điển Tiếng Việt*: “truyện cổ tích là truyện cổ dân gian phản ánh cuộc đấu tranh trong xã hội, thể hiện tình cảm, đạo đức, mơ ước của nhân dân, về hình thức thường mang nhiều yếu tố thần kì, tượng trưng và ước lệ”. [20, tr.1034]

Còn *Từ điển Thuật ngữ văn học* lại định nghĩa: truyện cổ tích là “một thể loại truyện dân gian nảy sinh từ xã hội nguyên thủy nhưng chủ yếu phát triển trong xã hội có giai cấp với chức năng chủ yếu là phản ánh và lí giải những vấn đề xã hội, những số phận khác nhau của con người trong cuộc sống muôn màu muôn vẻ khi đã có chế độ tư hữu tài sản, có gia đình riêng

(chủ yếu là gia đình phụ quyền), có mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh xã hội quyết liệt”. [7, tr.368]

Như vậy “Nói một cách vắn tắt thì truyện cổ tích là một loại truyện dân gian ra đời từ thời cổ đại, gắn liền với quá trình tan rã của chế độ xã hội nguyên thủy, hình thành của gia đình phụ quyền và phân hoá giai cấp trong xã hội; nó hướng vào những vấn đề cơ bản, những hiện tượng có tính phổ biến trong đời sống nhân dân, đặc biệt là những xung đột có tính chất riêng tư giữa người với người trong phạm vi gia đình và xã hội”. [24, tr.41]

Truyện cổ tích là những tác phẩm thường bằng văn xuôi truyền miệng, hư cấu với hình ảnh kì vĩ, có cấu trúc kết cấu truyện ổn định và hướng đến người nghe bằng hình thức kể chuyện. Truyện cổ tích dân gian vốn lưu truyền bằng hình thức truyền miệng và về sau được ghi chép lại. Việc truyện cổ tích dân gian được kể lại, thuật lại và ghi chép lại là kết quả của sự xâm nhập của văn học viết, của sáng tạo cá nhân vào lĩnh vực nghệ thuật mang tính tập thể. .

Trong truyện cổ tích, việc mô tả nhân vật thường theo khuynh hướng nội dung có sẵn, không qua cá tính hóa mà theo con đường trừu tượng hóa, khái quát hóa. Nhân vật trong truyện cổ tích dân gian mang đặc điểm tâm lí và khắc họa chân dung ngắn gọn, được xây dựng chủ yếu qua con đường đối thoại và hành động. Do vậy, hành động là quy luật xây dựng cốt truyện của truyện cổ tích dân gian. Việc đặt nhân vật vào hoàn cảnh có tính chất hoang đường để nhân vật thực hiện mục đích bằng hành động của mình đóng vai trò quan trọng trong truyện cổ tích dân gian. Trong bất kì truyện cổ tích dân gian nào, những bước ngoặt bất ngờ của cốt truyện bao giờ cũng có ý nghĩa đặc biệt cho sự phát triển hành động của cốt truyện.

Nội dung của truyện cổ tích xoay quanh những xung đột cơ bản trong gia đình. Những mâu thuẫn này mang tính chất riêng tư nhưng lại phổ biến trong toàn xã hội có giai cấp: xung đột giữa anh em trai (*Cây khế, Hàm vàng hàm bạc*), xung đột giữa chị em gái (*Sọ Dừa, Chàng Dê*). Xung đột giữa dì ghẻ con chồng, giữa chị em cùng cha khác mẹ (*Tám Cám*), xung đột giữa con

ruột và con nuôi (*Thạch Sanh*), xung đột có tính bi kịch về hôn nhân, gia đình (*Trầu cau, Ba ông Bép, Sao hôm - Sao mai, Đá vọng phu*).

Những xung đột xã hội diễn ra bên ngoài gia đình được phản ánh muộn hơn, ít tập trung hơn. Do vậy ít tác phẩm tiêu biểu hơn (*Cái cân thủy ngân, Cửa trời trời lại lấy đi, Diệt măng xà*). Một số truyện chứa đựng cả xung đột gia đình và xung đột xã hội (*Thạch Sanh*).

Dù gắn với đề tài gia đình hay xã hội thì ý nghĩa của truyện cổ tích cũng rất sâu sắc. Nó phản ánh được những xung đột, mâu thuẫn giữa cái thiện và cái ác, xung đột giữa các tầng lớp trong một xã hội phân chia giai cấp. Mâu thuẫn giai cấp trong xã hội phụ quyền thể hiện qua xung đột giữa nhân vật bề trên và “bề dưới, đàn anh và đàn em”.

Truyện cổ tích có khuynh hướng ca ngợi, bênh vực nhân vật bề dưới, đàn em, lên án nhân vật “bề trên”, “đàn anh” (trong thực tế không phải người em, người con nào cũng tốt, người mẹ ghẻ, người anh trưởng nào cũng xấu) nghĩa là chống cái bất công, vô lý của xã hội phụ quyền nói chung (không đi vào từng số phận riêng), thể hiện tinh thần nhân đạo cao cả.

Truyện cổ tích cho thấy sự bé tắc của tầng lớp nghèo khổ trong xã hội cũ. Nhân vật đàn em, bề dưới càng có đạo đức bao nhiêu, càng thật thà bao nhiêu thì càng thiệt thòi bấy nhiêu. Đây là thực trạng của xã hội có giai cấp và có áp bức giai cấp.

Tác giả dân gian, trong cổ tích, đã giải quyết vấn đề bằng tưởng tượng. Họ nhờ vào lực lượng thần kỳ và nhân vật đế vương. Lực lượng thần kỳ đứng về phía thiện, trợ giúp cho nhân vật đau khổ, đưa họ tới hạnh phúc. Trong quá trình đó, lực lượng thần kỳ cũng giúp nhân vật cải tạo xã hội. Nhân vật đế vương vừa là phương tiện nghệ thuật vừa là biểu tượng cho lý tưởng xã hội của nhân dân. Vua Thạch Sanh, hoàng hậu Tấm là hiện thân của một xã hội tốt đẹp, xã hội lý tưởng.

Qua những câu chuyện cổ tích, lịch sử của dân tộc được tái hiện theo trí tưởng tượng thần kì của dân gian. Không chỉ phản ánh một cách chân thực nhiều vấn đề tồn tại trong cuộc sống mà còn phản ánh khát vọng, lý tưởng của

nhân dân về một xã hội công bằng. Tuy kết thúc của truyện cổ tích còn mang tính chất hoang đường, kỳ ảo nhưng cũng tái hiện một phần sự phát triển của đời sống xã hội con người trong các tiến trình lịch sử.

Triết lý sống của tác giả dân gian trong truyện cổ tích trước hết là chủ nghĩa lạc quan. Tinh thần lạc quan trong cổ tích chính là lòng yêu thương quý trọng con người, từ đó mà yêu đời, tin vào cuộc đời (cho dù cuộc sống hiện tại đầy khổ đau, người ta vẫn luôn hướng về cuộc sống ngày mai tốt đẹp). Cho dù cách kết thúc nào thì vẫn thể hiện rõ nét tinh thần ấy:

Kết thúc có hậu là biểu hiện dễ thấy của tinh thần lạc quan, nhưng không phải là biểu hiện duy nhất.

Kết thúc bi thảm vẫn chứa đựng tinh thần lạc quan. Nhân vật chính chết hoặc ra đi biệt tích. Nhưng cái chết hoặc ra đi của nó để lại niềm tin vào phẩm giá con người, niềm tin vào cuộc đời.

Hầu hết truyện cổ tích đều gián tiếp hoặc trực tiếp nêu lên vấn đề đạo đức. Đạo đức luôn gắn với tình thương, lấy tình thương làm nền tảng (*Đưa con trời đánh, Giết chó khuyên chồng...*). Niềm tin ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác vừa là triết lý sống lạc quan vừa là đạo lý, ước mơ công lý của nhân dân trong cổ tích.

Truyện cổ tích mang tính giáo dục rất cao. Người già và trẻ em rất yêu thích truyện cổ tích vì những vấn đề được nêu ra phù hợp với trí tưởng tượng, óc suy tưởng của họ. Trong đời sống, truyện cổ tích góp phần giúp con người ta lạc quan hơn, tin tưởng vào tương lai tươi sáng hơn. Truyện cổ tích ra đời nhằm hướng người đọc đến những cái đẹp hoàn mỹ, ở hiền chắc chắn sẽ gặp lành, thể hiện ước mơ và khát vọng về một cuộc sống tươi đẹp của nhân dân ta. Từ thuở nhỏ ta đã thường được nghe ông bà kể. Sau khi nghe truyện ta sẽ thấy trân trọng tình cảm gia đình hơn, tình yêu thương của cha mẹ, lòng hiếu thảo đối với ông bà.

Qua đó chúng ta đều thấy được vai trò truyện cổ tích quan trọng như thế nào đối với đời sống tinh thần của người Việt Nam ta bởi truyện cổ tích thể hiện đời sống hằng ngày, cách đối nhân xử thế của ông cha ta và bài học



được rút ra từ chính câu chuyện sẽ là những điều giúp chúng ta noi theo để học hỏi. Những nhân vật sống chân thành, tốt bụng với những người xung quanh, giúp đỡ kẻ yếu, quan tâm những người nghèo khó kém may mắn hơn mình... từ đó những phẩm chất tốt đẹp ấy sẽ in sâu vào tâm trí của mỗi con người để quyết định đến việc biểu hiện cảm xúc và lòng nhân ái của mỗi người.

### **1.1.2. Truyện cổ tích viết lại**

Văn học dân gian mang trong mình tinh hoa văn hóa của dân tộc. Nó không chỉ bồi đắp cho tâm hồn của hàng triệu người Việt ta mà còn là nguồn cảm hứng vô tận của các nhà văn, nhà thơ.

Trong sáng tác văn học, thể loại truyện cổ tích do các nhà văn sáng tác mà cội nguồn của nó gần gũi và gắn bó mật thiết với truyện kể dân gian, trong đó, trước nhất phải kể đến truyện cổ tích dân gian. Thể loại văn học này phản ánh rõ nhất mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết. Truyện cổ tích của nhà văn là một hiện tượng lớn, tồn tại trong lịch sử hình thành và phát triển của nhiều nền văn học trên thế giới. Có thể nói, đây là thể loại xuất hiện tương đối sớm trong nền văn học viết của mỗi dân tộc và không ngừng tồn tại, phát triển cho đến ngày nay mà cội nguồn, nền tảng của nó chính là kho tàng truyện kể dân gian. Truyện cổ tích, thần thoại, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười... đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành thể loại này.

“Có thể nói, cuộc sống có bao nhiêu những cái gì thì cũng có bấy nhiêu những cái đó có mặt trong các trang viết của văn học thiếu nhi... Thiên nhiên, con người, quá khứ và hiện tại, hôm nay và ngày mai, có bao nhiêu biểu hiện, bao nhiêu vấn đề chúng ta đều có thể tìm thấy trong các sáng tác dành cho thiếu nhi” [15, tr.27]. Các đề tài thường thấy trong truyện thiếu nhi như đề tài truyền thống, đề tài cuộc sống mới, đề tài khoa học... Nhưng dù ở đề tài nào thì trẻ em cũng là trung tâm của những khám phá và miêu tả trong sáng tác của các nhà văn.

Chủ đề trong truyện thiếu nhi thường tập trung ở các vấn đề gần gũi với các em để thông qua những sự việc cụ thể giúp các em hiểu các vấn đề của cuộc sống.

Kết cấu cũng là một đặc điểm khác biệt so với kết cấu của sáng tác dành cho người lớn. Kết cấu cốt truyện thường bao gồm một chuỗi sự kiện hành động của nhân vật ngây thơ, trong sáng, những tình huống mà các em bắt gặp trong cuộc sống. Kết cấu trần thuật bao gồm những phương thức trần thuật dễ hiểu, phù hợp với lứa tuổi nhỏ. Các phương thức thường được sử dụng như: hồi ký, nhân cách hóa, ly kỳ hóa...

Trong các sáng tác cho thiếu nhi ngôn ngữ thường được gọt dũa công phu nhưng “phải thật tự nhiên và hồn nhiên. Tự nhiên như chính tính cách của các em, hồn nhiên như suy nghĩ, tâm lý của các em” [15, tr.30]. Trong đó, khẩu ngữ, ngôn ngữ đồng thoại được sử dụng nhiều nhất.

Điều quan trọng khi viết truyện cho thiếu nhi là các nhân vật, hành động, hoàn cảnh phải có sức thuyết phục. Bởi tâm hồn các em vốn dễ vui, buồn cùng niềm vui nỗi buồn của nhân vật. Ấn tượng về một nhân vật có thể theo các em suốt cả cuộc đời. Những người đọc nhỏ tuổi chưa trưởng thành để hiểu những mâu thuẫn sâu sắc của thời đại, của cuộc đời nhưng luôn luôn muốn khám phá cuộc sống, tìm hiểu quá khứ, hiện tại và tương lai. Vì vậy, những trang văn cho thiếu nhi cần hơn hết là nội dung trong sáng, phong phú và toàn vẹn. Lựa chọn truyện cổ tích viết lại là một hướng đi phù hợp để tác giả chuyển tải văn hóa truyền thống, phong tục tập quán vào cuộc sống hiện đại một cách nhẹ nhàng sâu lắng.

Mặc dù truyện cổ tích dân gian và truyện cổ tích viết lại có nhiều đặc điểm chung giống nhau, nhưng truyện cổ tích viết lại cũng có những nét riêng của một thể loại văn học viết. Truyện cổ tích viết lại là thể loại thuộc sáng tác cá nhân, không phải là sáng tác tập thể, mặc dù nó tiếp thu và vận dụng kinh nghiệm thẩm mỹ dân gian. Đây là thể loại được lưu truyền bằng văn bản. Tác phẩm có tác giả rõ ràng, văn bản là cố định và không có dị bản. Đặc điểm này để phân biệt với truyện cổ tích dân gian là sản phẩm chung của nhiều thế hệ

dân chúng, tồn tại chủ yếu bằng hình thức truyền miệng. Như vậy, truyện cổ tích viết lại đã chuyển từ hình thức truyền miệng dân gian sang hình thức văn học viết, từ khuyết danh đến có tác giả cụ thể. Nếu ở truyện cổ tích dân gian có nhiều dị bản khác nhau và hàng loạt mô típ nghệ thuật có sẵn được lặp đi lặp lại nhiều lần thì truyện cổ tích của nhà văn là tác phẩm duy nhất và không lặp lại, được thể hiện thông qua cá tính sáng tạo của nhà văn và phát triển theo quy luật sáng tạo văn học.

Để phù hợp với hình thức lưu truyền bằng miệng, cốt truyện của truyện cổ tích dân gian thường ngắn gọn đơn giản, còn ở truyện cổ tích của nhà văn không chỉ dùng để kể mà chủ yếu là để đọc, nên bên cạnh những cốt truyện đơn giản còn có nhiều cốt truyện phức tạp, có trường hợp có tới hai, ba cốt truyện cổ tích dân gian khác nhau được tác giả ghép nối vào nhau. Nếu như truyện cổ tích dân gian nặng về khái quát hóa, nhân vật mang đặc điểm loại tính nhiều hơn, thì ở truyện cổ tích của nhà văn vừa có tính khái quát vừa có tính cá thể. Có thể nói rằng với truyện cổ tích của nhà văn, việc đi vào miêu tả tâm lí nhân vật bước đầu được chú ý hơn. Hơn nữa, trong truyện cổ tích dân gian không có bình luận, có chăng chỉ là những lời giải thích sự việc xuất hiện ở phần kết thúc câu chuyện.

Còn trong truyện cổ tích của nhà văn, lời bình luận, triết lí của tác giả không chỉ xuất hiện ở phần kết thúc mà nhiều khi được xen lẫn vào từng phần của câu chuyện. Nhiều khái niệm mới, hiện đại của đời sống cũng được các nhà văn sử dụng trong tác phẩm của mình. Như vậy có thể nói, truyện cổ tích của nhà văn là tác phẩm tự sự, với hình thức sử thi nhỏ, cốt truyện tưởng tượng, hệ thống hình ảnh ước lệ thần kì và khác với truyện cổ tích dân gian ở quan niệm của tác giả về thế giới quan, nhiệm vụ tư tưởng thẩm mĩ của thời đại và mối quan hệ với phương pháp nghệ thuật của nhà văn.

Văn học dân gian mãi còn là một đề tài hấp dẫn cho những ai yêu mến thiếu nhi, yêu mến thời thơ ấu của mình dần thân vào cuộc phiêu lưu có tên là khám phá.

Việc viết lại truyện dân có nhiều cách thức khác nhau, trong đó cách giữ nguyên cốt truyện cũ và gia cố thêm các chi tiết mới như nhân vật, tình tiết, diễn biến câu chuyện. Một số truyện cổ được tái hiện trong các truyện ngắn đương đại với cốt truyện không hề thay đổi nhưng cũng không phải là kể lại hoặc dịch lại nguyên văn chuyện cũ. Thay vào đó, tác giả bổ sung một số chi tiết làm cho truyện đó vừa mang màu sắc cổ xưa vừa mang màu sắc của cuộc sống đương đại với sự bộn bề, phức tạp đa dạng cũng như sự phong phú trong đời sống nội tâm của con người.

Có thể so sánh, giọng điệu, ngôn ngữ của nhân vật trong các truyện cổ ít biểu cảm, thiên về miêu tả và nhân vật chỉ được miêu tả hành động không có diễn biến nội tâm, nếu có thì cũng mang tính chung chung. Trong khi đó, các truyện viết lại truyện dân gian tái hiện các nhân vật đó nhưng không chỉ được miêu tả nội tâm đa dạng mà còn có rất nhiều đối thoại thậm chí độc thoại. Lời nói của nhân vật cũng không còn vẻ chung chung nữa mà mang tính cá nhân rõ rệt, những nhân vật cổ luôn bị đóng khung trong những khuôn phép chuẩn mực nay được trở thành những người mang tình cảm, lối sống, suy tưởng... hiện đại. Qua lời nói, nhân vật có thể bộc lộ những nỗi niềm của một con người với đầy đủ quyền lợi đáng phải có. Cũng chính từ những chi tiết được thêm vào và lời nói của nhân vật mà tác giả thể hiện được ý tưởng nghệ thuật của mình. Trong bối cảnh văn học có sự phát triển mạnh mẽ, phương thức sáng tạo đó hoàn toàn được chấp nhận. Các hình thức cách tân, sự đa nghĩa và khẳng định bản sắc phong cách riêng của từng nhà văn được khuyến khích.

Hình thức mượn xưa để nói nay đã là truyền thống từ trước, nay được phát triển hơn nữa, nhằm mang những thông điệp không tiện nói ra trực tiếp nên mượn vỏ bọc của chuyện xưa, người cũ, như vậy vừa hiệu quả, vừa ít bị bắt bẻ.

Dù viết tiếp, nhưng truyện không bị lặp lại mà còn tạo ra những giá trị mới qua sự nhìn nhận và đánh giá của con người hiện đại về những nhân vật đã “im lặng” trong truyện xưa từng được ca ngợi. Trước đó các nhân vật chỉ được nhìn một chiều, hành động theo chức năng thì nay trong phân hậu truyện

được nhìn ở nhiều góc cạnh khác nhau, từ đó tái hiện được mọi biểu hiện của tâm trạng nhân vật, hoặc nói cách khác nhân vật được sống trong thời hiện đại với sự đa giọng điệu và con người cá nhân được bộc lộ rõ ràng tự nhiên nhất. Họ được nói lên tiếng nói của lòng mình chứ không phải nói thay cho một người nào khác với những tâm sự khát khao chân thật, mãnh liệt của một con người.

Truyện cổ tích dân gian và truyện cổ tích viết là những thể loại với đầy đủ các đặc trưng của nó. Truyện cổ tích dân gian thể hiện quan niệm của con người về thiên nhiên, về thế giới xung quanh mình, nhưng lại không phải biểu hiện nhận thức và sự sáng tạo nghệ thuật một cách có ý thức. Thế giới trong truyện cổ tích dân gian là thế giới của những con người bình thường, thể hiện mình thông qua những hành động phi thường, diễn ra trong những hoàn cảnh đặc biệt. Ở đó, loài vật mang phẩm chất của con người, nhân vật là những sinh vật thần kì, những đồ vật có phép nhiệm màu hoạt động. Hư cấu là một trong những đặc trưng cơ bản của truyện cổ tích dân gian.

Có lẽ do đối tượng mà văn học hướng đến phục vụ đã được xác định ngay trước khi cầm bút, nên về cơ bản, nếu quan sát hệ thống truyện dân gian viết lại trong mấy thập niên lại nay, chúng ta có thể thấy những truyện đã được viết lại vẫn tuân thủ một cách khá chặt chẽ việc phục vụ bạn đọc tuổi thơ. Đặc điểm của những truyện này trước hết là sự trung thành với cốt truyện xưa, tác giả chủ yếu thêm thắt vào các chi tiết, các tình huống trong diễn tiến của cốt truyện để nhằm mục đích kéo dài dung lượng các trang viết, dĩ nhiên cũng nhằm mục đích là cho câu chuyện kể được sinh động, hấp dẫn, nhiều khi tươi vui hơn. Điều này sẽ lôi cuốn trí tò mò vốn có của trẻ thơ, một mặt rất có tác dụng trong việc kích thích, hoàn thiện trí tưởng tượng phong phú của các em.

Như vậy, truyện cho thiếu nhi và truyện dân gian viết lại dành cho thiếu nhi là một mảng quan trọng trong sáng tác văn học của bất cứ dân tộc nào. “Văn học thiếu nhi có những đặc thù riêng nhưng không thể tách biệt hẳn với lịch sử văn học của đất nước, vả lại các tác giả viết cho trẻ em cũng đồng thời

là những nhà văn đã góp phần tạo nên diện mạo chung của văn học dân tộc... Trẻ em được đặt vào trung tâm của sáng tác” [6, tr.55]. Nó đòi hỏi nhà văn viết cho thiếu nhi cần có một lòng nhiệt thành, một lòng yêu mến và trân trọng những độc giả lứa tuổi nhỏ, phải thấu hiểu những tâm tư, tình cảm, suy nghĩ của các em, gọi cho các em những suy ngẫm về quá khứ, niềm tin vào hiện tại và lý tưởng, hoài bão khi hướng đến tương lai. Một tác phẩm văn học thiếu nhi có giá trị là một tác phẩm mang lại cho các em cách nhìn nhận, tiếp cận cuộc sống toàn diện, sâu sắc hơn.

### **1.1.3. Nhân vật và thể giới nhân vật**

Nhân vật văn học là con người cụ thể được miêu tả trong tác phẩm văn học. Nhân vật văn học có thể có tên riêng (Tám, Cám, chị Dậu, anh Pha), cũng có thể không có tên riêng như thằng bán tơ, một mụ nào trong Truyện Kiều. Trong truyện cổ tích, ngụ ngôn, đồng thoại, thần được đưa ra để nói chuyện con người. Khái niệm nhân vật văn học có khi được sử dụng như một ẩn dụ, không chỉ một con người cụ thể nào cả, mà chỉ một hiện tượng nổi bật nào đó trong tác phẩm.

Tác phẩm văn học thành công khi tác giả xây dựng hình tượng nhân vật độc đáo, đặc sắc đồng thời thể hiện tư tưởng của cuộc sống, thời đại. Trong cuốn *Lí luận văn học*, Hà Minh Đức cho rằng: “Nhân vật văn học là một hình tượng nghệ thuật mang tính ước lệ, đó không phải là sự sao chụp đầy đủ mọi chi tiết của con người mà chỉ là sự thể hiện của con người qua những đặc điểm điển hình nhân vật thường được quan niệm với một phạm vi rộng hơn nhiều, đó không chỉ là con người, những con người có tên hoặc không tên, được khắc họa sâu đậm hoặc chỉ xuất hiện thoáng qua trong tác phẩm, mà còn có thể là những sự vật, loài vật khác hình về tiêu sử, nghề nghiệp, tính cách ... và cần chú ý thêm một điều: Thực ra khá ít nhiều mang bóng dáng, tính cách của con người... cũng có khi đó không phải là những con người, sự vật cụ thể mà chỉ là một hiện tượng về con người hoặc có liên quan đến con người, được thể hiện nổi bật trong các tác phẩm”. [5, tr.182] Theo các tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi thì: “Nhân vật văn học là những người cụ

thể được miêu tả trong tác phẩm văn học, nhân vật văn học có thể có tên riêng. Nhân vật văn học là một đơn vị nghệ thuật đầy tính ước lệ, không thể đồng nhất nó với con người thật trong đời sống” [7, tr.235].

Nhân vật văn học là sáng tạo độc đáo của nhà văn. Chính vì thế, nhân vật văn học sẽ không bao giờ là con người thật ở ngoài đời, kể cả đó là những “nguyên mẫu”. Xét cho đến cùng, khi nhà văn xây dựng lên nhân vật văn học giống như một cỗ xe nhằm để chuyển tải những tư tưởng, ý tưởng của nhà văn đến với người đọc, tiếng nói của nhân vật cũng chính là tiếng nói của nhà văn với thời cuộc...

Thế giới nhân vật là sản phẩm tinh thần của nhà văn, là nơi thể hiện quan niệm nghệ thuật và lí tưởng thẩm mỹ của nhà văn về con người. Thế giới nhân vật còn là một chỉnh thể vận động, có tính cách, được bộc lộ trong không gian, thời gian nhất định. Mỗi một thể loại văn học cũng có thế giới nhân vật với quy luật riêng của nó. Thế giới ấy không phải là sự cộng lại đơn giản của các hệ thống riêng lẻ, mà là một chỉnh thể nghệ thuật, một sáng tạo đặc biệt bộc lộ sâu quan niệm về con người của các nhà văn.

Từ những góc độ khác nhau có thể chia nhân vật văn học thành nhiều loại khác nhau: Dựa vào vị trí đối với nội dung cụ thể, với cốt truyện của tác phẩm, nhân vật văn học được chia thành nhân vật chính và nhân vật phụ. Dựa vào đặc điểm của tính cách, việc truyền đạt lí tưởng của nhà văn, nhân vật văn học được chia thành nhân vật chính diện và nhân vật phản diện. Dựa vào thể loại văn học ta có nhân vật tự sự, nhân vật trữ tình và nhân vật kịch. Dựa vào cấu trúc hình tượng, nhân vật văn học được chia thành nhân vật chức năng, nhân vật loại hình, nhân vật tính cách và nhân vật tư tưởng.

Tuy nhiên, nhân vật trong các tác phẩm văn học là vô cùng đa dạng và ranh giới để phân loại nhân vật không phải lúc nào cũng rõ ràng. Vì vậy, việc phân chia nhân vật thành các loại cũng mang tính chất tương đối.

Để xây dựng thành công một nhân vật văn học, nhà văn phải có khả năng đồng cảm, phát hiện những đặc điểm bền vững ở nhân vật. Điều này đòi hỏi nhà văn phải hiểu đời và hiểu người. Nhưng có một điều không kém phần

quan trọng là nhà văn phải miêu tả, khắc họa nhân vật ấy sao cho có sức thuyết phục mạnh mẽ đối với người đọc. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến những biện pháp xây dựng nhân vật trong tác phẩm văn học. Có nhiều biện pháp khác nhau trong việc xây dựng nhân vật. Một số biện pháp chung, chủ yếu nhất: miêu tả nhân vật qua ngoại hình, nội tâm, ngôn ngữ và hành động.

*Thứ nhất*, xây dựng nhân vật bằng cách khắc họa ngoại hình. Ngoại hình là dáng vẻ bên ngoài của nhân vật bao gồm y phục, cử chỉ, tác phong, diện mạo... Đây là yếu tố quan trọng góp phần cá tính hóa nhân vật.

Nếu như văn học cổ thường xây dựng ngoại hình nhân vật với những chi tiết ước lệ, tượng trưng thì văn học hiện đại thường đòi hỏi những chi tiết chân thực và cụ thể sinh động. Nhà văn xây dựng nhân vật của mình đúng như những con người sống và phải tìm thấy, nêu lên, nhấn mạnh những nét riêng độc đáo, tiêu biểu trong dáng điệu, nét mặt, nụ cười, khóe mắt... của nhân vật. Ngoại hình nhân vật còn góp phần biểu hiện nội tâm của nhân vật. Đây cũng chính là sự thống nhất giữa cái bên ngoài và cái bên trong của nhân vật. Vì vậy, khi tính cách, đời sống bên trong của nhân vật thay đổi, nhiều nét bên ngoài của nhân vật cũng thay đổi theo.

Khi xây dựng ngoại hình nhân vật, nhà văn cần thể hiện những nét riêng biệt, cụ thể của nhân vật nhưng qua đó, người đọc có thể nắm bắt được những đặc điểm chung của những người cùng nghề nghiệp, tầng lớp, thời đại... Những nhân vật thành công trong văn học từ xưa đến nay cho thấy nhà văn bao giờ cũng chọn lựa công phu những nét tiêu biểu nhất để khắc họa nhân vật.

*Thứ hai*, xây dựng nhân vật qua biểu hiện nội tâm. Khái niệm nội tâm nhằm chỉ toàn bộ những biểu hiện thuộc cuộc sống bên trong của nhân vật. Đó là những tâm trạng, những suy nghĩ, những phản ứng tâm lí... của nhân vật trước những cảnh ngộ, những tình huống mà nó gặp phải trong cuộc đời.

Trong quá trình phát triển của lịch sử văn học, việc thể hiện nhân vật qua nội tâm ngày càng có vai trò quan trọng. Để làm được điều đó, nhà văn



phải hiểu sâu sắc cuộc sống và con người, nắm bắt được những biểu hiện và diễn biến dù nhỏ nhất nhất đời sống bên trong của nhân vật.

*Thứ ba*, xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ nhân vật. Khái niệm ngôn ngữ nhân vật nhằm chỉ những lời nói của nhân vật trong tác phẩm. Lời nói đó phản ánh kinh nghiệm sống cá nhân, trình độ văn hóa, tư tưởng, tâm lí, thị hiếu... Đằng sau mỗi câu nói của mỗi con người đều có lịch sử riêng của nó. Trong cuộc sống không thể có những người nói hoàn toàn giống nhau, vì vậy nhà văn cần phát hiện những nét riêng của ngôn ngữ nhân vật để thể hiện trong tác phẩm.

Trong các tác phẩm tự sự nói chung, lời nói của nhân vật thường chiếm tỉ lệ ít hơn so với ngôn ngữ người kể chuyện nhưng lại có khả năng thể hiện sinh động và kêu gọi cho người đọc hình dung về bản chất, tính cách của nhân vật.

*Thứ tư*, xây dựng nhân vật qua hành động của nhân vật. Hành động nhân vật là khái niệm nhằm chỉ các việc làm của nhân vật. Đây là phương diện đặc biệt quan trọng để thể hiện tính cách nhân vật vì việc làm của mỗi người là căn cứ quan trọng có ý nghĩa quyết định nói lên tư cách, lí tưởng, phẩm chất cũng như những đặc điểm thuộc về thế giới tinh thần của người đó. Hơn nữa, trong các tác phẩm tự sự, tính cách nhân vật không phải ngay từ đầu đã được hình thành trọn vẹn. Chính hành động có tác dụng bộc lộ quá trình phát triển của tính cách và thúc đẩy sự diễn biến của hệ thống cốt truyện... Thông qua các mối quan hệ, sự đối xử giữa các nhân vật trong những tình huống khác nhau, người đọc có thể xác định được những đặc điểm, bản chất của nhân vật. Thông thường, khi miêu tả hành động nhân vật, nhà văn thường kết hợp với những biểu hiện nội tâm tương ứng vì đằng sau mỗi hành động, bao giờ cũng có một tâm trạng hoặc một động cơ nào đó. Dùng nội tâm để lí giải hành động, sử dụng hành động để làm sáng tỏ nội tâm là một hiện tượng phổ biến trong việc miêu tả nhân vật.

Chức năng cơ bản của nhân vật văn học là khái quát những quy luật cuộc sống của con người, thể hiện những hiểu biết, những ước ao và kỳ vọng

về con người. Hay nói cách khác, nhân vật văn học là sự khái quát tính cách của con người. Tính cách là đặc điểm, khuynh hướng xã hội và là quy luật hành động của nhân vật. Do tính cách là một hiện tượng xã hội, lịch sử nên chức năng khái quát tính cách của nhân vật văn học cũng mang tính lịch sử.

Khi viết lại truyện dân gian, Tô Hoài đã kế thừa những đặc sắc về nhân vật từ các truyện đó và bằng những sáng tạo độc đáo đã tạo nên hệ thống nhân vật mang nét riêng của mình. Thành công của tác giả là đã xây dựng được một thế giới nhân vật đa dạng, phong phú, thống nhất, tạo cho các nhân vật một diện mạo mới, một tính cách mới, một sự đầy đủ của một cá nhân con người riêng biệt. Các nhân vật đều có nguyên mẫu từ “chuyện xưa” nhưng qua ngòi bút Tô Hoài, họ như lột xác trở thành một con người mới.

Hệ thống nhân vật con người có tên của Tô Hoài cũng giống như nhân vật trong truyện dân gian là đa dạng, thuộc nhiều thành phần xã hội, nhiều thế hệ, lứa tuổi, giới tính: có vua, quan, tướng lĩnh, công chúa, người dân; có cụ già, trẻ nhỏ....Họ còn có nguồn gốc xuất thân và số phận tương tự nhau và cũng có những chiến công lớn thể hiện khát vọng chiến thắng thiên nhiên, giặc ngoại xâm của con người. Tuy nhiên, nhân vật của Tô Hoài có nhiều điểm sáng tạo mới mẻ. Ngoài những nhân vật có sẵn trong truyện dân gian, tác giả sáng tạo thêm những nhân vật con người với những đặc điểm tính cách rõ rệt tạo nên một thế giới nhân vật con người phong phú, đa dạng.

## **1.2. TÔ HOÀI VÀ CÁC SÁNG TÁC VIẾT CHO THIẾU NHI**

### **1.2.1. Vài nét về cuộc đời**

Sinh ngày 17 tháng 9 năm 1920. Quê Nội, thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, Hà Tây (cũ), sinh ra và lớn lên ở quê ngoại làng Nghĩa Đô, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông cũ, nay là phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nhà văn Tô Hoài tên thật là Nguyễn Sen, ông còn các bút danh khác như: Mai Trang, Mắt Biền, Thái Yên, Vũ Đột Kích, Hồng Hoa. Bút danh Tô Hoài của ông gắn với hai địa danh: sông Tô Lịch và phủ Hoài Đức.

Tô Hoài đã có một quá trình viết bền bỉ, liên tục không ngừng nghỉ, trên rất nhiều đề tài khác nhau. Ông viết cho thiếu nhi, viết dã sử, rồi từ nông

thôn đến thành thị, từ miền xuôi lên miền núi, từ cách mạng đến đời thường, trong chiến tranh rồi trở lại hòa bình, viết về đời sống rộng lớn của tầng lớp nhân dân rồi lại trải lòng với những hồi ức riêng tư của mình. Không chỉ để lại dấu ấn ở nhiều đề tài mà ông còn thành công ở nhiều mảng sáng tác khác nhau. Tô Hoài là nhà văn lớn của dân tộc. Có rất nhiều phương diện làm nên tầm vóc đó của nhà văn: truyện ngắn, truyện vừa và tiểu thuyết, hồi ký, tự truyện, tạp văn, tạp bút và những sáng tác dành cho thiếu nhi. Ở phương diện nào, mảng sáng tác nào Tô Hoài cũng tạo lập được một giá trị riêng, một gương mặt riêng không thể nhòa lẫn.

Truyện ngắn là thể loại gần gũi với đời sống hằng ngày, súc tích, dễ đọc và có tác dụng ảnh hưởng sâu sắc, kịp thời trong đời sống. Ở Việt Nam và trên thế giới đã có rất nhiều những nhà văn gặt hái thành công trong địa hạt truyện ngắn. Trong đó, Tô Hoài là một nhà văn tiêu biểu với nhiều thành công to lớn.

Dường như Tô Hoài xuất hiện trong làng văn là đã bén duyên ngay cùng truyện ngắn với sáng tác đầu tiên được đăng báo là truyện ngắn *Nước lên* đăng trên *Hà Nội Tân văn*. Với ý thức coi trọng nghề văn nên những trang truyện ngắn của nhà văn này ta thấy sự tuân theo một cách nghiêm ngặt đặc trưng thể loại nhưng vẫn thấy một phong cách độc đáo của riêng Tô Hoài. Trước Cách mạng tháng Tám, có thời kỳ ông viết như chạy đua. Trong khoảng thời gian “trong ngoài ba năm” mà ông đã cho ra đời đến gần 30 tác phẩm, trong đó có những tác phẩm tiêu biểu như: *Cu Lặc* (1941), *Nhà nghèo* (1942), *Vợ chồng trẻ con* (1942), *Đục* (1942)... Mỗi truyện ngắn thể hiện một chủ đề khác nhau nhưng thường tập trung ở hai đề tài chính là quê hương và thế giới động vật trong tập truyện dành cho thiếu nhi. Dù viết ở đề tài nào, nhà văn cũng khẳng định được tài năng viết truyện ngắn tài tình của mình. Ở đó, thể hiện bằng những tình huống hấp dẫn, những chi tiết đắt giá.

Về nhân vật của truyện ngắn: ông quan tâm rất nhiều đến những con người bình thường nên cũng xây dựng nhân vật của mình như những con người bình thường đó. Tác giả thường đặt họ vào những tình huống, sự việc

rất tự nhiên để họ bộc lộ một cách tự nhiên nhất về mình. Ngoài ra, Tô Hoài còn xây dựng kiểu nhân vật loài vật. Thế giới loài vật đa dạng xung quanh con người bấy lâu nay được tác giả đưa vào tác phẩm của mình tạo nên một thế giới phong phú, sinh động. Từ những con vật nhỏ bé sống trong tự nhiên, đến những con vật sống cùng con người đều mang một đặc điểm, một nét tính cách riêng mà phải bằng sự quan sát và hiểu cặn kẽ về loài vật mới có thể nhìn ra được.

Truyện ngắn của Tô Hoài nhìn chung rất nhẹ nhàng, dễ đọc nhưng lại tạo cho người đọc một ấn tượng không dễ quên.

Bên cạnh những thành công ở thể loại truyện ngắn, không thể không nhắc đến truyện vừa và tiểu thuyết. Đây cũng là một mảng thể mạnh của Tô Hoài. Từ trước cách mạng, ông đã viết tiểu thuyết và góp vào dòng tiểu thuyết hiện thực phê phán 1930 - 1945 cùng với những cây bút nổi tiếng khác như: Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Ngô Tất Tố... Ông để lại những tác phẩm nổi bật về quê hương, đất nước, con người như: *Quê người* (1942), *Xóm giếng ngày xưa* (1942)... Sau năm 1945, thể tài này vẫn còn nhiều sức hấp dẫn đối với Tô Hoài. Ông tiếp tục viết về những miền quê, những con người với các tác phẩm tiêu biểu như: *Mười năm* (1958), *Miền Tây* (1967), *Quê nhà* (1980), *Nhớ Mai Châu* (1988)... Nhìn chung tiểu thuyết vẫn là một thành công trong sự nghiệp của tác giả.

Tiểu thuyết Tô Hoài trước và sau cách mạng là một sự chuyển biến lớn như hầu hết các nhà văn sống và viết ở cả hai thời kỳ. Trước cách mạng tác giả viết về những số phận phải chịu cảnh chia ly, tan tác, túng quẫn, khổ sở thì sau cách mạng, cũng vẫn viết về quê hương mình nhưng cuộc sống trở nên tươi vui, phấn khởi, khí thế hơn. Cái không khí ảm đạm, buồn tẻ, những con người nhếch nhác đã được thay thế bằng những hình ảnh tươi sáng hơn. Nhưng con người dù trước hay sau cách mạng đều có một điểm chung, dù họ có phải chịu khổ sở về vật chất nhưng tất cả họ đều không phải trải qua những dằn vặt, đau đớn của cuộc đời.

Với Tô Hoài, hồi ký cũng là một thể tài khẳng định tài năng và sức sáng tạo mãnh liệt của mình. Ông có những tập hồi ký nổi tiếng như: *Cỏ dại*, *Tự truyện*, *Những gương mặt - chân dung văn học*, *Cát bụi chân ai*, *Chiều chiều*. Cái nhìn xuyên suốt bao trùm lên các tập hồi ký ấy là cảm quan về đời thường sâu sắc của nhà văn. Dù viết về ai, những người bạn nghệ sỹ, những con người bình thường hay viết về chính bản thân mình, Tô Hoài cũng xuất phát từ quan niệm: “người ta ra người ta thì phải là người ta đã chứ”. Có sao viết vậy, tốt - xấu, hay - dở, thậm chí cả những thói tật nhà văn cũng không hề né tránh. Hồi ký Tô Hoài chủ yếu viết về bản thân mình. Qua những trang hồi ký chúng ta biết được thêm nhiều điều về nhà văn. Đó là tuổi thơ vất vả, phải lớn lên “giữa những buồn vui, những gian truân trong mọi tập tục thói quen của tầng lớp tuổi tôi ở làng”. Đến tuổi trưởng thành thì phải làm nhiều nghề để kiếm sống. Có những lúc bẽ tắc, khốn khổ. Chính trong hoàn cảnh đó, ông đã được tận mắt chứng kiến sự buồn thảm, đen tối của xã hội khiến sự xót thương những con người cùng khổ bất hạnh và nỗi thương chính bản thân mình trong con người nhà văn từng ngày lớn dần lên biến thành nỗi khát khao đổi thay.

Bên cạnh những trang viết về chính bản thân mình, Tô Hoài còn viết về chân dung những người nghệ sỹ. Với cái nhìn đời thường, nhà văn đã rút ngắn đến mức thấp nhất khoảng cách giữa người đọc với người kể, giúp chúng ta tiếp cận, được bước vào một thế giới đời thường phía sau thế giới nghệ thuật lung linh. Cái nhìn, cách hiểu về con người các nghệ sỹ mà Tô Hoài cung cấp giúp bạn đọc hiểu hơn về tác phẩm của họ, như Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Xuân Diệu, Nguyễn Bính...

Tô Hoài viết nhiều loại truyện, về nhiều đề tài, cho nhiều lứa tuổi thiếu nhi. Và có nhiều tác phẩm hay, được các em ưa thích. Làm động lại trong tâm trí và tình cảm các em ấn tượng sâu sắc. Quả đúng vậy, ngay từ trước cách mạng, Tô Hoài đã chú ý ngay tới đối tượng là thiếu nhi, “mỗi tháng ông viết một truyện vừa cho trẻ con chừng năm mươi trang viết tay” [3,tr20]. Ông viết cho các độc giả nhỏ tuổi này hàng loạt những trang đồng thoại như: *Dé mèn*

*phiêu lưu kí, Võ sỹ Bọ ngựa, Đám cưới chuột...* Sau cách mạng, mảng truyện cho thiếu nhi của ông vẫn tiếp tục ra đời một cách đều đặn với các tác phẩm nổi tiếng: *Tuyển tập con mèo lười* (1964), *Đảo hoang* (1976), *Chuyện nổ thần, Nhà Chử, 101 truyện ngày xưa, Vừ A Dính...* Mỗi tác phẩm là một thông điệp tác giả gửi gắm nhằm giáo dục nhân cách, bồi dưỡng tinh thần, trí tuệ, lòng yêu thương con người, quê hương, lòng tự hào dân tộc cho các em. Từ những nhân vật gần gũi, bình dị trong thế giới xung quanh như: Gà trống ri, gã chuột bạch, mèo, chó, chim chích, dế mèn, dế trũi, bọ ngựa, ếch, cá... đến các nhân vật trong truyền thuyết, lịch sử như: Mai An Tiêm, Chử Đồng Tử, Cao Lỗ, Vua Hùng... tác giả đã khơi dậy trí tưởng tượng phong phú ở các tâm hồn trẻ thơ.

Nhiều sáng tác của Tô Hoài đã được dịch ra các thứ tiếng nước ngoài như Nga, Trung Quốc, Pháp, Ba Lan, Séc, Đức, Hung Ga Ri, Mông Cổ, Nhật Bản... Ở Việt Nam, ông là một trong những nhà văn nổi tiếng, gặt hái được nhiều thành công trong sự nghiệp sáng tác với rất nhiều giải thưởng uy tín.

Giải nhất tiểu thuyết Hội Văn Nghệ Việt Nam 1956 (*Truyện Tây Bắc*)

Giải thưởng Hội nhà văn Á - Phi 1970 (*Miền Tây*)

Giải A giải thưởng Hội văn nghệ Hà Nội, 1980 (*Quê nhà*)

Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt một - 1996.

### **1.2.2. Các sáng tác dành cho thiếu nhi**

Nhìn lại quá trình lịch sử văn học Việt Nam, có thể thấy văn học thiếu nhi luôn đồng hành cùng văn học dân tộc. Đây là một bộ phận xuất hiện từ rất sớm, từ những bài vè, bài đồng dao, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn. Đến đầu thế kỷ XX, văn học thiếu nhi đã có những bước phát triển đầu tiên, đánh dấu mình trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Ngay từ những năm đầu đã có những tác phẩm có giá trị như: *Chân tướng quân* của Phan Bội Châu viết năm 1917. Tiếp theo đó là thành công của nhiều tác giả như Phạm Hồng Thái, Tản Đà, Nguyễn Hồng, Tô Hoài, Phạm Hồ, Võ Quảng, Nguyễn Nhật Ánh...

Từ cuối những năm ba mươi cho đến nay, Tô Hoài đã sáng tác được một số lượng tác phẩm đồ sộ (hơn một trăm năm mươi đầu sách) ở nhiều thể

loại khác nhau như : tiểu thuyết, truyện ngắn, kí, tiểu luận và kinh nghiệm sáng tác. Với những đóng góp to lớn cho nền văn học nước nhà, vào năm 1996 ông được nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh.

Truyện ngắn chủ yếu là các truyện viết về cái tốt đẹp, khẳng định cái thiện trong cuộc sống, bày tỏ mong muốn một cuộc sống hạnh phúc, bình yên trong xã hội, một cuộc sống tốt đẹp mang tính không tưởng. Cũng có truyện ông viết về Tây Bắc với cảnh sống vất vả, thiếu thốn, nhưng giàu nghĩa tình đối với cách mạng, cũng như ý chí quyết tâm chiến đấu của đồng bào miền núi. Hay là truyện đồng thoại với nhân vật là những loài vật gần gũi với trẻ thơ, từ chú mèo già, bạn gà nhép, chó vện, ngựa con đến chim chích, hươu, nai, gấu, khỉ. Các câu chuyện xoay quanh đời sống hằng ngày khiến cho bạn đọc có cảm giác gần gũi, thân thuộc. Một số tác phẩm tiêu biểu như: *Dế mèn phiêu lưu kí* (1941), *O chuột* (1942), *Giăng thề* (1943), *Núi cứu quốc* (1948), *Xuống làng* (1950), *Truyện Tây Bắc* (1953, Giải nhất tiểu thuyết năm 1956 của Hội Văn nghệ Việt Nam), *Khác trước* (1957), *Vỡ tỉnh* (1962), *Người ven thành*(1972), ...

Từ trước cách mạng, Tô Hoài đã chú ý ngay tới đối tượng là thiếu nhi. Ông viết cho các độc giả nhỏ tuổi này hàng loạt những trang đồng thoại như: *Dế mèn phiêu lưu kí*, *Võ sỹ Bọ ngựa*, *Đám cưới chuột*... Sau cách mạng, mảng truyện cho thiếu nhi của ông vẫn tiếp tục ra đời một cách đều đặn với các tác phẩm nổi tiếng: *Tuyển tập con mèo lười* (1964), *Đảo hoang* (1976), *Chuyện nỏ thần*, *Nhà Chủ*, *101 truyện ngày xưa*, *Vì A Dính*.... Mỗi tác phẩm là một thông điệp tác giả gửi gắm nhằm giáo dục nhân cách, bồi dưỡng tinh thần, trí tuệ, lòng yêu thương con người, quê hương, lòng tự hào dân tộc cho các em.

Ngoài ra Tô Hoài cũng viết một số tác phẩm về tiểu luận và kinh nghiệm sáng tác : *Một số kinh nghiệm viết văn của tôi* (1959), *Người bạn đọc ấy* (1963), *Sổ tay viết văn* (1977), *Nghệ thuật và phương pháp viết văn* (1997).

Tô Hoài có nhiều tác phẩm được dịch ra tiếng nước ngoài, đặc biệt *Dế mèn phiêu lưu kí* được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất.

Tô Hoài là nhà văn lớn của thiếu nhi. Bằng những câu chuyện ly kì, hấp dẫn, ông luôn đem đến cho các em một niềm vui, một bài học, một lời căn dặn, một bài học nhẹ nhàng, sâu lắng. Truyện dành cho thiếu nhi của Tô Hoài là một mảng quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác của ông. Để có một cái nhìn toàn diện và hệ thống, chúng tôi dựa vào đề tài mà nhà văn thể hiện để tìm hiểu và phân loại. Mảng truyện dân gian viết lại là một bộ phận nằm trong hệ thống những sáng tác dành cho thiếu nhi của ông. Nó nằm bên cạnh những bộ phận khác như hồi ký về tuổi thơ, truyện loài vật, truyện quê hương đất nước.

*Thứ nhất*, là bộ phận hồi ký về tuổi thơ. Trong cuộc đời mỗi con người, quãng thời gian tuổi thơ luôn là quãng thời gian để lại trong mỗi chúng ta những ấn tượng sâu sắc, khó phai. Cũng chính vì vậy mà Tô Hoài lựa chọn viết cho thiếu nhi bằng thể hồi ký, về chính tuổi thơ của mình. Những trang hồi ký về tuổi thơ của Tô Hoài cho các độc giả nhỏ tuổi thấy không chỉ việc nâng niu, giữ gìn kí ức tuổi thơ mà còn là một khả năng suy nghĩ, ý thức độc lập về cuộc sống hiện tại. Với tài năng tinh tế, tâm hồn nhạy cảm, cùng với bản lĩnh của người cầm bút, những trang viết về chính bản thân mình của Tô Hoài đã mang đến cho người đọc những cảm xúc khó quên.

*Thứ hai*, là bộ phận truyện viết về loài vật. Thế giới loài vật trong truyện của ông đa dạng, phong phú. Tác giả đưa vào tác phẩm của mình những con vật gần gũi, thân thuộc xung quanh con người. Đọc truyện loài vật của ông, người đọc hiểu Tô Hoài muốn nói đến cuộc sống của con người. Thế giới loài vật cũng đa dạng, nhiều mối quan hệ như chính cuộc sống con người.

*Thứ ba*, tác giả viết về quê hương đất nước. Truyện viết về quê hương của Tô Hoài thể hiện qua nhiều chủ đề phong phú: viết về giáo dục đạo đức, về thiếu nhi làm giao liên, tết Trung thu, về mùa xuân... Tác giả bộc lộ tình yêu quê hương đất nước sâu lắng của mình rồi truyền tình cảm thiêng liêng đó đến độc giả. Truyện về quê hương đất nước của Tô Hoài khơi dậy ở các em những hiểu biết về quá khứ, lòng nhân ái ở hiện tại, niềm tin, niềm hy vọng ở



tương lai, giúp các em hoàn thiện nhân cách, trau dồi tri thức để trở thành người có ích trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

*Thứ tư*, là bộ phận truyện dân gian viết lại. Từ những cốt truyện có sẵn trong dân gian, nhà văn phải làm mới nó, phải tạo được sự hứng thú cho người đọc và quan trọng nhất, phải truyền tải được một nội dung thực sự mới mẻ qua những “tích cũ” ấy.

Cách quan sát thông minh hóm hỉnh và rất tinh tế là khả năng nổi trội của Tô Hoài trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Khả năng này của ông được biểu hiện rõ ngay từ trước cách mạng qua những truyện viết về loài vật. Càng về sau càng được phát huy ở nhiều tác phẩm khác. Đặc biệt, khi miêu tả ngoại hình và diễn biến tâm lí của nhân vật, Tô Hoài đã chọn lựa những chi tiết độc đáo có sức gợi cảm nhằm tác động mãnh liệt đến tình cảm nhận thức của người đọc về thân phận của nhân vật. Nhà văn còn sử dụng yếu tố ngoại cảnh để góp phần làm nổi bật hơn nội tâm của nhân vật trong từng hoàn cảnh, tình huống cụ thể. Chính vì thế, các nhân vật trong tác phẩm của Tô Hoài thường mang nét riêng và gợi cho người đọc biết bao điều suy ngẫm.

Tô Hoài viết cho các độc giả nhỏ tuổi này hàng loạt tác phẩm nổi tiếng như: *Dế mèn phiêu lưu kí*, *Võ sỹ Bọ ngựa*, *Đám cưới chuột*, *Một cuộc bể dâu*, *Mụ ngan*, *Đức...* Với khối lượng tác phẩm đồ sộ viết cho thiếu nhi, có thể khẳng định Tô Hoài là nhà văn của thiếu nhi và văn học dành cho thiếu nhi là một thành công làm nên tên tuổi của nhà văn.

### **1.2.3. Truyện cổ tích viết lại của Tô Hoài**

Thông thường, khi viết lại truyện dân gian, các nhà văn khai thác nguyên vẹn một phần hay toàn bộ cốt truyện. Tuy nhiên, cũng có tác giả không theo cách này, mà chỉ lấy ra một hình tượng hay dựa vào kết truyện rồi tạo ra một tác phẩm mới. Truyện dân gian viết lại của Tô Hoài có cả hai loại trên. Loại thứ nhất chủ yếu gồm các truyện có dung lượng nhỏ in tập trung trong 101 truyện ngày xưa, loại thứ hai bao gồm *Nhà Chử*, *Đảo hoang* và *Chuyện nỏ thần*. Truyện dân gian thường kết thúc theo lối giải quyết dứt điểm

sự việc, thông báo rõ ràng số phận nhân vật. Vậy nên, ít có những kết truyện mở cho những sáng tạo tiếp theo.

Truyện cổ tích dân gian và truyện cổ tích được sáng tạo bởi các nhà văn là những thể loại với đầy đủ các đặc trưng của nó. Chúng ta nhận thức rõ ràng, truyện cổ tích dân gian là một trong những thể loại văn xuôi thể hiện quan niệm của con người về thiên nhiên, về thế giới xung quanh mình, nhưng lại không phải biểu hiện nhận thức và sự sáng tạo nghệ thuật một cách có ý thức. Thế giới trong truyện cổ tích dân gian là thế giới của những con người bình thường, thể hiện mình thông qua những hành động phi thường, diễn ra trong những hoàn cảnh đặc biệt. Ở đó, loài vật mang phẩm chất của con người, nhân vật là những sinh vật thần kì, những đồ vật có phép nhiệm màu hoạt động. Hư cấu là một trong những đặc trưng cơ bản của truyện cổ tích dân gian.

Tô Hoài có hẳn một mảng sáng tác hướng về cổ tích đó là truyện cổ tích viết lại. Ông sưu tầm các câu chuyện cổ tích, truyền thuyết của các dân tộc và viết lại. Truyện cổ dân tộc Kinh có: *Chuyện nỏ thần, Nhà Chử, Đảo hoang, Các tướng tài của Hai Bà Trưng, Lê Lợi, Lý Ông Trọng, Đồng tiền Vạn Lịch...* Dân tộc Chăm có: *Hòn chồng hòn vợ...* Dân tộc Mường có: *Chuyện cuội...* Dân tộc Mạ có: *Con cua đá, Con hươu sao, Sự tích thác Đam Bri...* Qua những câu chuyện dân gian viết lại, “Tô Hoài đã đem đến cho bạn đọc nhỏ tuổi một cảm quan về lịch sử dân tộc qua nét vẽ tài hoa, tinh tế bức tranh phong cảnh và phong tục. Tác giả tìm hiểu quá khứ trên những tài liệu thư tịch và khảo cổ học, nhưng ông cũng đã phát huy cao độ khả năng tưởng tượng và hư cấu của người viết tiểu thuyết để làm sống động không khí xa xưa, cho chúng ta được sống lại, được hòa nhập tâm linh vào hào khí của dân tộc, được chiêm nghiệm những cảnh sắc, những phong tục và những hoạt động trong đời sống của người Việt cổ. Tô Hoài khai thác lịch sử gắn với cái thực trong màu sắc kì ảo có tính chất huyền thoại” [6, tr.11]. Những câu chuyện dân gian viết lại, bạn đọc nhỏ tuổi có cơ hội để biết sự thật cuộc sống và con người thuở xa xưa, hiểu hơn các phong tục lễ hội và niềm vui của

người dân. Nhìn chung, kế thừa và phát huy kho tàng cổ tích dân gian là một lối đi đầy hứa hẹn của văn học thiếu nhi, một chân trời mệnh mông, vừa gần gũi thân quen, vừa mới lạ sâu sắc. Tô Hoài đã nhận thức điều đó và làm giàu cho kho tàng văn học thiếu nhi của dân tộc bằng nhiều tác phẩm ở thể tài mới lạ này.

Có thể chia truyện dân gian viết lại của Tô Hoài thành hai khu vực: khu vực truyện dài (bao gồm ba truyện được viết trên cơ sở dã sử hoặc truyền thuyết dân gian) và khu vực những câu chuyện cổ tích được viết lại (bao gồm 101 tác phẩm in trong *101 truyện ngày xưa*).

Khi đặt bút viết về những chuyện ngày xưa, tác giả thấy có thể đem lại cho người đọc hứng thú, và dẫn họ vào thế giới của những miền cổ tích, làm giàu lí tưởng thẩm mĩ của họ, làm đời sống tâm hồn của họ phong phú hơn, tốt đẹp hơn, bởi xét đến cùng, cổ tích chính là suy tư, là tình cảm của con người trước thế giới. Sự bền bỉ, nồng nàn của những tình cảm ấy thể hiện trong sức sống ngàn năm, với phương thức lưu giữ bằng phương thức truyền miệng. Và điều quan trọng, việc viết lại những câu chuyện dân gian ấy, chẳng những góp phần lưu giữ kí ức của dân tộc bằng việc ghi lại những khát vọng, những yêu thương của con người, mà còn lưu giữ kí ức văn học dựa trên truyền thống thể loại. Với tâm niệm lưu giữ lại kí ức dân tộc và với khả năng ghi nhớ hiếm thấy, với những chuyến đi nhiều vùng miền của đất nước, từ miền xuôi đến miền ngược, Tô Hoài đã trở cho mình một kho tàng truyện cổ khá phong phú. Bên cạnh những truyện được kể nhiều, những truyện ai cũng biết, được viết lại một cách công phu thành những truyện dài với những tình tiết, tình huống, nhân vật, phong cảnh, tập tục... hư cấu hoặc tái hiện khá phong phú, chúng ta còn thấy trong những truyện dân gian viết lại của nhà văn một kho tàng những câu chuyện trước đó chưa từng thấy trong các văn bản sưu tầm, kể cả những tuyển tập của Nguyễn Đồng Chi, của Đinh Gia Khánh... Bên cạnh những câu chuyện của người Việt là những câu chuyện của người Dao, người Thái, người Mường, người Hà Nhì, người Nùng, người Mông, người Tày, người Xê Đăng, người Khơ Me. Bên cạnh câu chuyện của

những tộc người định cư ở người miền Bắc là câu chuyện của những tộc người sinh sống ở phương Nam... Những nỗ lực của tác giả trong việc tìm kiếm và viết lại những câu chuyện này đã góp phần cho chúng ta thấy một đời sống tâm hồn phong phú, một diện mạo văn hóa đa dạng, đa sắc tộc của dân tộc Việt Nam.

Về nghệ thuật thể hiện, có thể thấy, tương ứng với quy mô tác phẩm, ba truyện dài (có người gọi là tiểu thuyết) *Đảo hoang*, *Nhà Chử* và *Chuyện nổ thần* được đầu tư nhiều công sức hơn và dấu ấn cá nhân, cá tính sáng tạo của nhà văn thể hiện một cách đậm, rõ hơn cả. Từ những huyền thuyết ngắn gọn được kể trong dân gian, tác giả đã thêm thắt, hư cấu, tưởng tượng để có được những thế giới nghệ thuật phong phú. Ở đó không chỉ kể câu chuyện lớn về nhà Chử, về Mai An Tiêm với quả dưa đỏ, về sự nghiệp của An Dương Vương, sự thất bại của nhà vua, mà tác giả còn kể nhiều câu chuyện khác về hành trình chinh phục thiên nhiên của người Việt cổ; về phong tục, tập quán, về lễ hội, về những giai đoạn, những thời điểm nhất định của hành trình văn hóa Việt. Các nhân vật hiện lên sống động có đời sống, số phận, tính cách rõ nét. Tuy nhiên, không chỉ có ba tác phẩm dài hơi kia mới có sự sáng tạo của nhà văn. Trong *101 truyện ngày xưa*, dù những câu chuyện được kể lại ngắn hơn, và bộ sách lắm lúc có dáng dấp của một bộ sưu tầm, người ta vẫn thấy dấu ấn cá tính tác giả hiện lên thật rõ nét. Sự thể hiện phong cách nhà văn ở đây không phải trong thế giới các nhân vật, sự kiện, tình huống... sự thể hiện phong cách tác giả ở đây chủ yếu được nhìn thấy trong cách dẫn chuyện, trong lời kể chuyện...

Tóm lại, thế giới những chuyện dân gian viết lại của Tô Hoài thể hiện cái nhìn sâu về quá khứ, về truyền thống dân tộc. Đó là một thế giới phong phú, đa dạng, thể hiện một cách sinh động đời sống tâm hồn dân gian người nước Việt.

Tập truyện *Chuyện ngày xưa – Một trăm cổ tích* gồm 57 truyện được Nhà xuất bản Kim Đồng xuất bản năm 2015 gồm hai tập: tập 1 gồm 29 truyện dung lượng 198 trang và tập 2 gồm 28 truyện dài 202 trang. Có 50 truyện có

nhân vật là con người. Nhân vật là con vật chiếm 5 truyện và các nhân vật khác có 9 truyện. Ngay sau khi xuất bản, tập truyện đã nhận được sự hưởng ứng của các bạn đọc nhỏ tuổi trên cả nước.

**Chương 2**  
**THẾ GIỚI NHÂN VẬT**  
**TRONG “CHUYỆN NGÀY XƯA - MỘT TRĂM CỔ TÍCH”**  
**CỦA TÔ HOÀI**

**2.1. THẾ GIỚI NHÂN VẬT PHONG PHÚ, ĐA DẠNG**

**2.1.1. Nhân vật là con người**

Nhân vật là yếu tố cốt lõi cho sự thành công của một tác phẩm nghệ thuật. Nhân vật đại diện cho tư tưởng, tình cảm, ý chí, nguyện vọng của tác giả khi đứng trước một vấn đề nào đó. Những sự kiện, những bức tranh thiên nhiên hay những lời bình luận góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng cho tác phẩm và góp phần làm nổi bật hình tượng, số phận, diễn biến tâm lí, suy nghĩ của nhân vật mà tác giả dày công xây dựng.

Nhân vật là con người được đề cập ở **50/57** câu chuyện trong hai tập *Chuyện ngày xưa – Một trăm cổ tích* có sự phong phú đa dạng bởi có rất nhiều đối tượng được tác giả đề cập đến như: nhà vua, phú ông, hay những người nông dân chất phác được gọi bằng tên chung như: chàng đốn củi, anh thợ cày,... Có nhân vật lương thiện, thật thà, chất phác nhưng cũng có nhân vật mưu mô, xảo trá nhằm kiếm lợi cho bản thân, ... Tất cả được thể hiện qua mỗi câu chuyện riêng.

Nhân vật là người bình thường được Tô Hoài tập trung khai thác khi chiếm phần lớn số lượng truyện. Đây là đối tượng thường gặp nhất trong truyện cổ tích dân gian thể hiện mong ước của người xưa về xã hội công bằng. Họ là những người hiền lành, cần cù chịu thương chịu khó, sống lương thiện vì thế họ thường bị những tầng lớp trên bóc lột, ức hiếp.

Chắc hẳn chúng ta đã quá quen thuộc với nhân vật “Tám” trong truyện *Tám Cám*, một cô gái mồ côi cả cha lẫn mẹ sống cùng dì ghẻ độc ác. “Tám phải lăn lưng ra làm suốt ngày. Đi chăn trâu, khi về lại phải quảy theo một gông cỏ... Rồi gánh nước, ra ao vớt bèo cái cho lợn, bèo tấm cho vịt. Tối đến, giã gạo” [11, tr.123] Tuy vất vả là vậy nhưng Tám không hề oán than hay căm ghét gì mẹ con Cám. Người đọc dễ dàng nhận thấy Tám hiền lành, chăm

chỉ nhưng cũng cam chịu đến đáng thương không dám phản kháng lại dì ghẻ và cô em xấu tính.

Một lần, hai chị em đi bắt tép Tấm bị Cám lừa lấy hết số tép bắt được Tấm chỉ biết ôm mặt mà khóc. Rồi năm lần bảy lượt Tấm bị mẹ con Cám tìm cách hãm hại: Khi Tấm trèo cau thì chặt gốc, hóa thành chim vàng anh thì Cám giết vàng anh,... nhưng Tấm chưa từng có ý nghĩ muốn hãm hại hay trả thù mẹ con họ ngay cả khi trải qua bao kiếp nạn cuối cùng được làm hoàng hậu và sống hạnh phúc bên nhà vua.

Tấm – một con người bình thường chăm chỉ, chịu khó nhưng Tấm cũng đại diện cho mong muốn của nhân dân: “Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo”. Một con người nhỏ bé bình thường dám dũng cảm đấu tranh vì hạnh phúc của chính mình.

Hay cũng dám đấu tranh cho hạnh phúc của bản thân nhưng “anh thợ cày” trong câu chuyện *Lọ nước thần* lại vô cùng dũng cảm và thông minh khi giả làm người bán hàng để vào cung tìm vợ. Anh là một người hiền lành, lương thiện vì cứu chim sẽ thoát chết khỏi móng vuốt của quạ và cứu sống sẽ, được nó trả ơn bằng lọ nước thần “khiến cây mau lớn, người già trẻ lại”. Anh không làm gì đến nên về nhà treo lên vách rồi cũng quên đi. Một hôm, chị vợ dọn nhà phát hiện lọ nước thơm bèn mang ra hòa với nước mưa để tắm gội. Sau khi gội đầu và tắm, chị cảm thấy người nhẹ nhõm, trẻ hẳn và xinh đẹp khác thường. Nước tắm chảy ra luống hành làm luống hành lớn như thổi. Người chồng đi làm về không nhận ra vợ mình phải đến khi nghe giộng mới nhận được vợ. Vợ đẹp quá đến nỗi anh chẳng muốn đi đâu. Anh nhờ người vẽ lại vợ mình để đi đâu nhìn cho đỡ nhớ. Đột nhiên có con quạ sà xuống, quắp tấm hình bay đi mất. Đó chính là con quạ ác năm trước. Nó bay thẳng vào cung thả tấm hình ngay sân rồng. Vua thấy người đẹp liền cho quân đi khắp nơi tìm kiếm và bắt về cung. Một anh thợ cày thấp cổ bé họng sao dám chống lệnh vua, đành nhìn người vợ bị bắt vào cung. Về phần người vợ tuy được vào cung ăn ngon mặc đẹp nhưng chị không hề vui vẻ mà ngày đêm chung thủy nhớ về người chồng. Anh chồng ở nhà không nguôi nhớ vợ, bèn nghĩ cách

vào cung tìm vợ. Khi nghe tin nhà vua tìm người chữa bệnh cho vợ vua, anh liền nhổ những cây hành to như những quả dưa mang vào cung rao:

“Đọc bằng đòn gánh  
Củ bằng bình vôi  
Ai mua hành tôi...”

Vợ anh ở trong cung nghe thấy tiếng rao liền cho người gọi anh chồng vào, nhà vua thấy người đẹp cười liền đòi đổi quần áo để làm người đẹp vui nhưng ai ngờ vừa mặc chiếc khố liền bị bầy chó lao đến cắn chết. Chị vợ liền bảo chồng mặc long bào lên ngai vàng, anh thợ cày trở thành vua sống hạnh phúc với vợ trọn đời. Anh thợ cày – người nông dân chịu thương chịu khó làm ăn khi bị chế độ phong kiến chèn ép kiên cường đấu tranh giành lấy hạnh phúc mà bản thân xứng đáng có được.

Hay cũng là nhân vật người nông dân nhưng trong câu chuyện *Chuyện chàng đón củi* anh không bị chế độ phong kiến chèn ép mà lại bị tên chủ quán tham lam lừa hết lần này đến lần khác. Câu chuyện bắt đầu kể về một anh chàng nghèo khó, cày cấy cật lực quanh năm vẫn không đủ ăn thế nhưng chàng lại có ước muốn viển vông là muốn cưới cô Út con gái phú ông làm vợ. Anh vào rừng đón củi gặp cây gỗ nghiêng có phép lạ cho anh chiếc mâm đồng và con ngựa có khả năng ỉa ra vàng nhưng khi anh đem khoe với tên chủ quán thì đều bị hấn tráo chiếc mâm và con ngựa khác làm anh hai lần bị làng đánh vì tội nói láo. Cuối cùng, anh được cho ởng trú để trừng trị tên chủ quán bắt lương và đòi lại được chiếc mâm và con ngựa thật. Anh bèn đãi làng một bữa thịnh soạn và tặng mọi người vàng và nhờ ởng trú thần anh đã cưới được con gái phú ông. Một anh chàng nông dân nghèo khó nhưng tu chí làm ăn và nhờ sự giúp đỡ anh đã tìm được hạnh phúc của mình – hạnh phúc tưởng chừng như là một giấc mơ “viển vông.”

Cùng hoàn cảnh như anh là “anh thợ cày” trong chuyện *Cây tre trăm đốt*. Cũng là một chàng trai hiền lành, thật thà, chăm làm mà không hề tính toán gì lại đi làm cho phú ông keo kiệt lại còn hay dối trá. Phú ông tìm cách ràng buộc chàng trai được việc này bằng cách hứa gả con gái cho anh nhưng



anh nào biết sau lưng anh phú ông đã nhận lời cho con gái đi làm dâu ở một nhà giàu làng bên cạnh. Anh thợ cày vẫn chăm chỉ làm việc từ sáng sớm tinh mơ cho đến tối khuya mà không hay biết gì, anh cũng không hề may mắn nghi ngờ gì phú ông. Đến ngày cưới của con gái phú ông lừa chàng trai đi tìm cây tre trăm đốt. Phú ông gian xảo chắc hẳn sẽ làm khó được anh vì kiếm đâu ra cây tre trăm đốt, hẳn vừa không muốn gả con gái cho anh chàng nghèo kiết xác vừa muốn quyết tiền công của anh. Nhưng anh không nghĩ ngợi gì đi tìm cây tre trăm đốt luôn, tìm từ sáng tới trưa cây nào cao nhất cũng chỉ được có mấy chục đốt. May mắn nhờ sự giúp đỡ của bụi chàng trai dễ dàng kiếm được cây tre trăm đốt và đòi lại được công bằng cho bản thân.

Trong câu chuyện *Mụ Lường* ta bắt gặp một “chú lái” trẻ tuổi lại tháo vát chăm chỉ và mong muốn làm giàu chân chính bằng đôi tay và sức lao động của bản thân mình. Chú luôn ao ước có chuyến buôn xa, khi nghe tin có bến lớn chú liền bàn với vợ rồi sửa sang thuyền, sắm sửa hàng hóa dong thuyền tới của Hạ Châu. Ngay khi vừa đặt chân đến nơi chú đã lọt vào tầm ngắm của mụ Lường – bà chủ hiệu buôn nhất cỡ Hạ Châu. Bà ta vốn vãi mời chú lái và đám người làm vào nhà tham quan, ăn uống sơn hào hải vị và nghỉ ngơi ở phòng khách sang trọng. Chú tưởng rằng đã may mắn gặp được bạn buôn giàu có, thế lực nhưng chú đâu biết là cơ ngơi nhà mụ phát đạt như thế là do mảnh khốe lừa gạt mà có. Sau khi dẫn chủ nhà xuống xem hàng, mụ mừng thầm vì chú lái mang đến toàn thứ đắt giá. Mụ bảo chú lái sẽ lấy hết số hàng, chú lái mừng rơn. Nào ngờ tối hôm ấy, mụ Lường sai gia nhân đem tường rùa vàng bỏ xuống thuyền của chú. Sáng hôm sau, mụ la lối rành nhà bị mất trộm ông rùa Thần Tài đòi khám thuyền. Chú không chịu đòi quan huyện đến phân xử nhưng chú nào biết rằng quan huyện cùng một giuộc với mụ. Rất nhanh sau đó, bọn lính đã lục được Rùa Vàng ở chỗ những tấm lợp. Thế là mụ được cả thuyền hàng và nô lệ. Người chồng khổ sở làm đầy tớ cho nhà mụ nhưng may mắn thay nhờ sự giúp đỡ của ông lão tốt bụng anh đã gửi được thư về cho vợ kể rõ sự tình. Về phần người vợ ở nhà mòn mỏi đợi tin chồng, sau khi biết đầu đuôi câu chuyện bèn chuẩn bị dong buồm vượt bể đi Hạ

Châu. Lần này, chị vợ còn đem theo một người thợ bạc. Thuyền vừa cập bến, chị đã được đám gia nhân và mụ Lường tiếp đón nhiệt tình. Cũng như mọi khi, gia nhân nhà mụ lại đem con rùa xuống giấu dưới thuyền nhưng nào ngờ khi đám gia nhân vừa đi người thợ bạc từ chỗ nắp bờ ra nấu chảy con rùa thành các thỏi vàng. Đến khi khám thuyền không thấy Rùa Vàng thế là mụ Lường mất toàn bộ cơ ngơi. Nhờ sự dũng cảm và nhanh trí của vợ chồng chú lái đã lật tẩy được chiêu trò lừa gạt của mụ Lường, giải thoát cho chồng và những người cùng cảnh ngộ khỏi kiếp nô lệ oan. Khi có tiền, vợ chồng chú dùng phân nửa phát chuẩn cho những người nghèo khổ ở Hạ Châu nửa còn lại đem về quê nhà. Mụ Lường gian ác xấu hổ, nhảy xuống trầm mình ở bể. Sau bao khó khăn, vất vả, chú lái – người làm ăn chân chính cũng lấy lại được của cải của chính mình còn kẻ chuyên đi lừa gạt người khác cũng đã phải nhận kết cục thích đáng.

Câu chuyện *Cô gái lấy chồng hoàng tử* cũng là một ví dụ cho việc kẻ gian xảo sẽ không có kết cục tốt đẹp. Nhân vật chính trong câu chuyện là cô gái xinh đẹp và bác lái bán hương gần chùa. Cô gái nhan sắc xinh đẹp nức tiếng, mọi người thường bảo cô: “Người đẹp nhường này thì phải lấy được hoàng tử con vua mới xứng.”[11, tr.139] Tuy không biết kinh đô ở tận đâu nhưng được khen cô cứ tưởng thật, vừa mừng vừa lo. Mỗi phiên chợ cô đều mua hương đến ngôi đền thiêng ở cửa rừng khẩn xin thánh phù hộ. Bác lái bán hương là người đứng tuổi, có tình ý với cô gái thường hay buông lời chòng ghẹo. Nhưng cô gái chẳng buồn để ý đến bác bán hương si tình. Vì tò mò nên bác bán hương đã lén đi theo cô gái đến đền và nghe trộm được lời khẩn của cô. Phiên chợ sau bác liền giả thần phán rằng số trời định cho nàng và người lái hương ở chợ. Cô gái về nhà nghĩ ngợi cả đêm rồi cuối cùng cũng chấp nhận số phận. Vì sợ bố mẹ cô gái không đồng ý nên bác đã đưa người yêu đi trốn. Lúc đi trốn gặp đám lính, bác lái sợ quá mà vút cả người yêu để trốn. May thay cô gái được hoàng tử cứu và sau khi nghe câu chuyện của cô gái hoàng tử quyết định đưa cô về cung. Còn bác lái đã bị hồ tha đi mất. Cô gái trẻ với mong ước hạnh phúc mãnh liệt cuối cùng đã gặp được hạnh phúc

của bản thân còn bác bán hương lợi dụng lòng tin để lừa cô gái trẻ người non dạ đã bị trừng trị thích đáng.

Hay nhân vật di ghê câu chuyện *Người hóa Đế* vì tham lam mà nhẫn tâm xúi con trai Lang giết Linh – người anh cùng cha khác mẹ của mình. May mắn thay, Lang vì thương anh nên đã kể hết lại với anh rồi khuyên anh đi trốn còn mình về nói dối mẹ rằng anh đã chết. Nhờ tình thương, sự giúp đỡ của người mẹ quá cô mà học hành thành tài và lấy vợ hiền. Khi Linh vinh quy về quê nội trước tiên, Lang vui mừng đón anh. Người di ghê ác nghiệt vừa sợ vừa xấu hổ nên trốn dưới gậm phản và hóa thành con đế, Người độc ác cuối cùng cũng phải nhận sự trừng phạt thích đáng. Còn anh em Linh Lang lương thiện sống cuộc sống hạnh phúc ấm no đến cuối đời.

Một ví dụ khác là truyện *Thần giữ cửa* kể về người lái buôn trên Phố Hiến. Ông ta giàu có, vàng bạc nhiều không đếm xuể lại không có chỗ cất nên ông ta tự nghĩ ra cách đào hầm để cất giữ của cải. Ông thuê người đào, xây hầm từ giữa cánh đồng đến đám cây đề cổ thụ có lối xuống. Để tránh người đời nghi ngờ ông xây một cái miếu nhỏ bên trên. Rồi ông đem một toán thợ ở quê sang làm hơn một năm trời được ông trả công rất hậu hĩnh và hẹn cuối năm sang làm tiếp. Nhưng chiếc thuyền đưa toán thợ về quê bỗng dung long hết ván đáy, chìm ngấm giữa biển khơi sâu thẳm. Thương thay cho những người thợ cứ tưởng kiếm được chỗ làm hời, công hậu hĩnh nhưng rốt cục lại phải bỏ mạng nơi biển sâu lạnh lẽo. Sự độc ác của ông ta còn chưa dừng lại đó, khi đã xây xong hầm rồi ông ta còn công phu tìm một cô gái “đồng trinh” về làm thần giữ cửa. Ông ta nhờ người đánh tiếng cô con gái nhà ông đồ nghèo kia về làm thiếp, để làm tin ông ta cho bà mỗi đêm đến chạm ngõ “mười nén vàng phủ khăn điều” lại kể rằng lễ ăn hỏi còn gấp mười thế này rồi khi cưới thì làm bà chủ ăn sung mặc sướng. Thế là ông bà đồ đồng ý gả con gái cho nhà buôn ấy. Cô gái được cưới về nhưng bị giam lỏng trong phòng và ăn uống toàn đồ chay. Một lần nhân dịp cô xin phép ông ta về cúng giỗ tổ tiên đã kể lại mọi sự tình cho bố mẹ nghe. Ông đồ nghe xong liền nghi ngờ nó kén con gái mình về làm thần giữ cửa. Độc ác thay, hẳn ta đem chôn sống cô

gái ở hầm để làm thần giữ của thật. May mắn thay nhờ sự nhanh trí của ông đồ mà cuối cùng ông cũng cứu được con gái mình còn người lái buôn kia cũng phải chịu hình phạt thích đáng.

Một vài ví dụ nêu trên cho ta thấy mong muốn của những con người bình thường về một xã hội công bằng nơi những kẻ gian ác bị trừng trị, người sống lương thiện, hiền lành sẽ không phải chịu bất cứ bất công nào mà sống vui vẻ, hạnh phúc. Các nhân vật đều mang ước mơ, khao khát về cuộc sống ấm no bình yên cho tất cả mọi người.

Cũng là những con người bình thường nhưng tác giả Tô Hoài đã đề cập đến các mối quan hệ trong gia đình như vợ chồng, anh em, bạn bè, ... những con người tuy có nghèo về vật chất nhưng chan chứa tính nghĩa.

Hai anh em trong câu chuyện *Sự tích lá trầu quả cau* vốn giống nhau như đúc khó phân biệt được ai là anh, ai là em. Tình cảm anh em vốn gắn bó, hòa thuận nhưng chỉ vì nhầm lẫn của chị dâu khiến người em nghĩ ngợi, lo lắng không nguôi sợ chị ngượng rồi lại sợ anh giận hay nghi ngờ gì không nên người em đã bỏ nhà ra đi. Người em vừa đi vừa khóc, đến bờ sông thì cứ ngồi khóc đến hóa thành tảng đá. Người anh đã đoán được sự việc khiến em phải nghĩ ngợi đang tính lừa lời để bàn với em, nhưng chưa biết nói thế nào. Ba bốn hôm sau vẫn không thấy em về người anh lòng như lửa đốt liền đi tìm em. Đến bờ sông chỗ em hóa đá, như có linh tính liền ôm hòn đá mà khóc tự trách mình. Sớm hôm sau người ta thấy cây kì lạ mọc ngay cạnh tảng đá. Người vợ ở nhà đợi mãi không thấy chồng và em về nên đi tìm. Đến bờ sông ấy, thấy hòn đá hình người và cây cau bóng dáng dị thường như nhìn thấy bóng dáng hai anh em, chân không bước lên được nữa, gào khóc thảm thiết rồi hóa thành dây trầu không leo chằng chịt thân cau.

Một năm, vua đi thăm các nơi đang bị hạn hán gặp cây cau, dây trầu vẫn tốt mơn mớn bèn lấy làm lạ, hỏi thì được nghe câu chuyện về anh em thuận hòa yêu thương nhau hiếm có bèn cho người hái xuống ăn thử. Câu chuyện được kể lan rộng rồi từ đó người ta ăn trầu để nhớ tới tình nghĩa con người như vợ chồng, anh em nhà ấy.

Cùng nói đến tình nghĩa vợ chồng ta bắt gặp nhân vật cô gái trong câu chuyện *Gái ngoan dạy chồng*. Cô gái giàu tình nghĩa vì lời hứa với bố chồng mà dù có bị người chồng nghiện bài bạc đuổi ra khỏi nhà nhưng khi làm ăn khấm khá vẫn không quên chồng nơi quê nhà mà cho người đi dò la tin tức, tìm cách tìm chồng. Khi tìm được chồng, nàng mừng lắm nhưng vì muốn thử thách chồng xem đã hồi lỗi thật chưa nên nàng giấu nhem thân phận của mình. Trải qua bao thử thách cuối cùng hai vợ chồng cũng đoàn tụ nhận dịp giỗ bố chồng. Hai người dắt nhau về quê cũ, chuộc lại mảnh đất cũ, sinh được một cậu con trai và sống hạnh phúc đến già.

Hay câu chuyện của ả Chức và chàng Ngưu một người là tiên trên trời, một người là người trần gian đem lòng thương nhau nhưng bị chia cắt bởi sông Ngân Hà mỗi người ở một bên bờ, mỗi năm được gặp nhau một lần vào rằm tháng bảy. Vào ngày ấy, bao giờ cũng mưa dầm dề, đó là nước mắt của cả Ngưu Lang lẫn Chức Nữ. Nhân dân gọi đó là mưa ngâu. Cũng vì lý do này nên ở Việt Nam, người ta không tổ chức đám cưới vào tháng 7 âm lịch (tháng mưa Ngâu) vì có mưa dầm suốt tháng đồng thời lại có thể có gió bão và kiêng kị cho cuộc sống vợ chồng trẻ sau này có thể bị chia ly, chỉ gặp nhau một năm một lần giống vợ chồng Ngâu. Ông cha ta có câu:

*Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,  
Con trời lấy chú chăn trâu cũng phiên  
...Tháng sáu lo chữa kịp tiền  
Bước sang tháng bảy lại liền mưa Ngâu  
Tháng bảy là tháng mưa Ngâu  
Bước sang tháng tám lại đầu trăng thu...  
Tháng năm tháng sáu mưa dài  
Bước sang tháng bảy tiết trời mưa Ngâu  
Nhớ ai như vợ chồng Ngâu  
Một năm mới gặp mặt nhau một lần.*

(Ca dao)

Một ví dụ khác về tình cảm vợ chồng gắn bó sâu đậm là câu chuyện *Con cóc hóp nước mưa*. Người vợ luôn đau đáu nhớ về chồng mình. Tình thương đó của chị còn được biểu hiện qua việc chị trả thù cho chồng mình. Sau khi biết đầu đuôi câu chuyện, chị hạ độc Hai để trả thù cho chồng rồi mặc áo xô, chít khăn tang khóc trước bàn thờ chồng một ngày một đêm, thật đúng với câu “Đạo vợ, nghĩa chồng”.

Những con người đó đều là những người bình thường mà ta có thể bắt gặp hằng ngày qua đó tác giả muốn gửi gắm đến chúng ta về tình nghĩa vợ chồng đậm đà mà sâu nặng. Như câu nói của người xưa để lại:

“ Muối ba năm muối đang còn mặn  
Gừng chín tháng gừng hãy còn cay  
Đôi ta nghĩa nặng tình dày  
Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa.”

(Ca dao)

Trải qua biết bao nhiêu năm tháng hạt muối vẫn luôn mặn mà cũng giống như tình nghĩa vợ chồng dù thời gian càng trôi qua vẫn luôn đậm đà, gắn bó, không hề đổi thay. Gừng là loại cây thường được trồng trong vườn, ngoài đồng với vị cay nồng và thơm. Độ cay của gừng trải qua chín tháng được ngấm so sánh với mức độ thấm thiết của tình cảm vợ chồng, dù trong gian nan, vất vả của cuộc đời thì tình cảm ấy càng thêm sâu nặng, keo sơn.

Tác giả Tô Hoài cũng rất chú tâm đến những nhân vật thuộc tầng lớp thấp, khốn khổ trong xã hội.

Truyện *Cái chổi* nói về hai nhân vật bà đầu bếp và ông lão bỏ củi. Bà đầu bếp tuy được ăn ở trong lâu đài quyền quý nhưng bà cũng chỉ là “kẻ đi hầu” chẳng khác ông lão bán hàn kia là bao. Phần vì quý mến ông lão chăm chỉ, phần vì xót thương đồng loại nên bà thi thoảng lấy trộm cơm, rượu thịt đem cho ông lão ăn. Một hôm, trên trời có đại tiệc sau khi bỏ xong củi và tắm cho đàn ngựa của khách ông lão nằm quèo bụng đói meo, người mệt lử đợi bà lão mag cơm ra cho. Nhưng đợi mãi không thấy bà lão ra,đói quá đầu gối phải bò ông lão mò vào bếp xin đồ ăn. Bà lão thấy ông mò vào tận đây chắc là đói

lắm rồi bèn cho ông lão ngum rượu quý và bát cơm trắng ăn tạm và không quên dặn ông lão ngồi im một chỗ. Nhưng rắc rối cũng từ đây mà ra. Ông lão uống chén rượu vào rồi lại đang ở căn phòng toàn đồ ăn không nhìn được bèn lên bóc mỗi mâm một ít. Tưởng rằng không ai phát hiện ra nhưng Ngọc Hoàng tinh ý đã nhìn thấy sự xáo trộn ở các mâm cỗ. Tàn tiệc, Ngọc Hoàng gọi hết tất cả người hầu và gia nhân lại để tìm kẻ to gan ăn trộm đồ ăn. Sau khi phát hiện ông lão, Ngọc Hoàng tức giận đòi chém nhưng bà đầu bếp xin đỡ tội nên cả hai người bị đày xuống trần gian làm chiếc chổi. Ông lão thì hóa thành cái chổi xể còn bà đầu bếp thành cái chổi lúa. Những người hầu, gia nhân trong xã hội xưa là những người thấp kém, khổ sở và có khi còn bị chủ đối xử tệ bạc. Ông lão vì quá đói nên đã liêu bốc ăn vụng kết quả là bị đày xuống trần gian làm chiếc chổi moi móc bản thiu.

Câu chuyện *Một cái án kể* về bốn người bạn từ thuở hàn vi Thân, Đậu, Tuất, Hợi. Bốn người bạn tuy mỗi người một nghề nhưng họ hẹn khi nào có dịp gặp nhau. Thân nhờ chấp nhận lấy vợ kém mã hơn mà được nhà vợ giúp đỡ, đi buôn và trở nên giàu có nhưng khi giàu có rồi mới thấy vợ là xấu xí, đem lòng phụ bạn. Nhà Đậu cũng ở cùng huyện với Thân nhưng nhà Đậu nghèo, phải chạy ăn từng bữa. Đậu có cô vợ vừa đẹp người lại đẹp nét nên Thân nảy ra ý xấu. Thân giả vờ tốt bụng cho bạn mượn vốn đi buôn nhưng thực ra là kiếm cớ để Đậu đi vắng hàng dụ dỗ vợ Đậu. Nửa đêm, Thân bóp cổ vợ chết rồi đem xác đi giấu ở nhà kho. Độc ác thay, người vợ kè bên giúp đỡ hần từ lúc nghèo khó nhưng đến lúc giàu có hần lại tự tay giết chết vợ mình chỉ để thỏa mãn mong muốn của hần. Liệu rằng Thân có hối cải hay đây mới chỉ là bắt đầu của tội ác tà trời? Thân lừa vợ Đậu đến nhà mình rồi nói ngon nói ngọt tưởng vợ Đậu sẽ đồng ý nhưng khi thấy cô một mực cương quyết từ chối hần liền nhốt cô vào một cái buồng ngang ở cuối vườn. Thân sai một người đầy tớ gái trông nom cô. Thân quyết tâm hại bạn đến cùng, hần lấy váy áo của vợ Đậu mặc vào xác chết rồi đổ sơn then lên để không ai nhận ra được nữa. Tội ác của Thân chưa dừng lại ở đó, hần sợ người đầy tớ gái nói ra sự thật bèn cho người đầy tớ uống “thuốc bỏ” nhưng thực chất là thuốc làm rụt

lười không nói được nữa. Cứ tưởng việc hẩn làm không ai hay biết nữa nhưng lưới trời tuy thưa mà khó lọt, nhờ sự giúp đỡ của Tuất, Dậu và người đầy tớ gái Dậu cũng được giải oan và cứu được vợ. Với tội ác tày đình như thế đáng lẽ Thân phải bị xử chém nhưng luật thời ấy là nộp tiền sẽ không bị chém, người nhà Thân thi nhau gánh tiền vào của quan cuối cùng Thân chỉ bị đi đày. Phần nộ làm sao khi kẻ giết người mưu mô thâm độc như thế lại chỉ bị đi đày nhưng tác giả thật biết làm thỏa mãn bạn đọc khi cuối cùng Thân bị một con hổ quắp Thân tha đi. Kẻ ác độc cuối cùng cũng nhận sự trừng phạt thích đáng, đó thể hiện mong muốn của nhân dân đặc biệt là những người lao động nghèo khổ thấp cổ bé họng về xã hội công bằng.

Nhân vật là những người tài giỏi, tốt bụng hay giúp đỡ mọi người được tác giả đánh giá cao. Có một câu tục ngữ đẹp được coi là tiêu biểu cho tư tưởng nhân văn về con người, đề cao hết mức giá trị và vị thế của con người trong trời đất. Đó là “người là hoa của đất”. Như vậy, con người là sản phẩm của tự nhiên, nhưng là sản phẩm cao nhất, hoàn mỹ nhất của tự nhiên. Nó vừa có vẻ đẹp về thể xác, vừa có vẻ đẹp về tâm hồn, trí tuệ.

Truyện *Bé thần đồng* kể về cậu bé chừng tám tuổi ở một làng nọ. Năm ấy vua mở hội kén người tài. Một hôm, hai cha con cậu bé đang vất vả cày ruộng bỗng gặp viên quan kén người tài đi qua. Viên quan thấy hai cha con chăm chỉ làm ruộng bèn dừng lại thử tài hai cha con. Viên quan hỏi:

“- Này bác thợ cày, con trâu nhà bác một ngày đi được mấy đường cày? Bác thợ cày phân vân không biết trả lời thế nào. Xưa nay ai mà đếm được một ngày con trâu đi bao nhiêu đường cày. Người con buông tảng đất, đứng thẳng, nói:

- Bẩm quan, quan có biết con ngựa quan cưỡi mỗi hôm đi được bao nhiêu bước?”[11, tr.156]

Câu hỏi của cậu bé ngắn gọn, rõ ràng nhưng quan cũng không thể trả lời được nhưng quan nghe cậu bé hỏi thế thì mừng thầm trong bụng quan cho là đã gặp được người tài đây rồi. Viên quan bèn quay về triều bẩm báo với vua về tài ứng đối của cậu bé thông minh nhưng vua vẫn muốn thử thách



thêm cậu bé. Vua cho quân mang về làng ấy ba thúng gạo nếp, lại dặt theo hẹn đúng ba năm trâu phải đẻ được chín con nghé nếu không thì sẽ phạt vạ cả làng. Cả làng hoảng loạn lo sợ riêng cậu bé bình tĩnh bảo mọi người chớ lo lắng đem đồ xôi và thịt trâu chia phần cho cả làng còn bố con cậu về kinh lo việc. Người bố rất lo lắng nhưng chẳng biết làm thế nào, hai cha con bèn khăn gói vào cung. Qua hai lần thử thách cậu bé đều ứng đối vua một cách khôn ngoan. Vua công nhận là cậu bé có tài cho mời thầy dạy giỏi về dạy dỗ cậu bé. Một lần, nước làng giếng sai sứ giả mang một chiếc vỏ ốc bẻ to sang thách đấu nước ta xỏ sợi chỉ qua được chiếc vỏ ốc đó. Nhà vua và các quan thần đã thử đủ mọi cách mà vẫn không sao xỏ được sợi chỉ. Vua bèn cho người sang gọi chú bé. Chú bé thông minh tuy nhỏ tuổi mà đã suy nghĩ rất thấu đáo. Chú từ chối không sang châu không phải vì không biết hay không sợ vua mà chú lo lắng sứ giả nước làng giếng sẽ chê cười rằng ở đây hết người tài rồi mới phải cầu cứu cả một chú bé. Chú bé đã suy nghĩ sâu xa nhằm tránh sự coi thường và bắt bẻ của nước láng giềng. Vậy liệu rằng chú bé có biết cách xỏ sợi chỉ giúp vua không? Tất nhiên là chú bé này biết cách làm nhưng để giữ thể diện cho nhà vua và cận thần trong triều đồng thời lại giữ được uy trước nước láng giềng chú bèn bảo lính học thuộc bài đồng dao rồi về trình với nhà vua:

“Tích tịch tình tang

Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng

Bên thời lấy giấy mà bung

Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang” [11, tr.161]

Tưởng chừng chỉ là bài đồng dao bọn trẻ thường hát vu vơ nhưng nó đã giúp xuyên được sợi chỉ qua vỏ ốc và tránh được những xung đột giữa các nước láng giềng. Chú bé thật thông minh khi lợi dụng đặc tính của loài kiến để giúp xuyên sợi chỉ qua chiếc vỏ ốc dễ dàng. Chắc chắn chú bé phải quan sát kỹ lưỡng lắm thì mới biết được đặc tính của loài kiến. Qua đó ta thấy chú bé không những thông minh, nhanh trí mà còn có tài quan sát tinh tế.

Một ví dụ khác là vị quan huyện anh minh, thấu tình đạt lý trong câu chuyện *Quan huyện phân xử*. Một ngày phiên chợ nó có hai bà kéo nhau vào công đường. Hai người vừa đi vừa đánh nhau nhưng mỗi người đều giữ chặt đầu của một tấm vải, ai cũng nhận tấm vải đó là của mình dẹt đem ra chợ bán. Ngặt nỗi là hai người đều đi chợ sớm nên không có ai làm chứng, quan cho lính về nhà họ kiểm tra thì đều có khung cửi đúng bằng khổ vải đấy. Vụ án tưởng chừng như rơi vào bế tắc. Quan suy nghĩ rồi phán xé đôi mảnh vải mỗi người một nửa. Lẽ nào quan cũng không tìm ra được ai là chủ nhân của tấm vải hay là quan còn có dụng ý khác? Quả thật là quan đã có tính toán khi phán chia đôi tấm vải đó rồi. Ông là người suy nghĩ sâu sắc, quan biết để dẹt được tấm vải mang đi bán tốn rất nhiều thời gian và công sức nên quan phân xử như thế nhằm xem thái độ của hai người họ từ đó dễ dàng tìm được chủ nhân thật sự của tấm vải. Thật vậy, khi lính vừa chuẩn bị xé tấm vải bỗng dưng có một bà ôm mặt khóc nức nở, chỉ có chủ nhân thật sự của tấm vải mới xót của mà bật khóc như thế. Còn kẻ ăn trộm kia chả làm gì cũng có được nửa tấm vải thì đương nhiên mù ta làm sao có thể bật khóc vì xót của được mù ta còn đang cui mừng không hết ý chứ. Nhưng quan thật anh minh, khi thấy người kia khóc nức nở thế liền bảo lính ngừng tay và trả tấm vải về với chủ thật sự. Một lần khác, ông huyện đi kinh lý các vùng bắt gặp một mù đầu tóc bù xù, vấy áo xốc xếch đang lớn tiếng chửi đũa nào đem qua ăn trộm con gà nhà mù. Ông huyện sai lính ra quát nhưng càng quát mù lại càng chửi ồn ào hơn trước. Ông sốt ruột, cho người gọi hết dân làng ra xử vì mù làm ồn ào nên mỗi người tát mù một cái rõ đau cho quan. Cứ tưởng quan chỉ xử mù vì tội ồn ào mà không tìm ra kẻ trộm gà của mù được nhưng thực ra quan đang quan sát để tìm ra kẻ trộm. Mọi người lần lượt tát mù nhưng ai cũng thương vì đã mất gà rồi còn bị đánh nên chỉ tát cho có, riêng tên trộm hấn tức lắm nên lấy hết sức tát mù một cái rõ đau. Nào ngờ khi hấn vừa bước ra khỏi hàng liền bị quan gọi lại, cuối cùng hấn cũng phải thừa nhận hành vi trộm cắp của mình. Cũng vì hiểu rõ tâm lý của kẻ trộm mag ông đã giúp sư ông tìm ra kẻ trộm tiền sửa sang nhà

chùa. Phải am hiểu tâm lí con người như thế nào quan mới có cách phân xử tài tình như thế khiến người ta tâm phục khẩu phục.

Cùng là quan huyện xử kiện nhưng vị quan ở câu chuyện *Tra tấn hòn đá* đã xử một vụ kiện độc nhất vô nhị đó là xử kiện hòn đá. Nghe thì có vẻ lạ đời hòn đá là vật vô tri vô giác thì làm sao mà phạm tội được. Đằng này quan còn cho khiêng hòn đá về công đường để tra khảo. Đúng là chuyện lạ xưa nay chưa từng có. Thực ra, quan biết là có tra khảo hòn đá mãi thì hòn đá cũng không thể nói được nhưng dùng tâm lí tò mò, hiếu kì của con người nhằm yên góp tiền giúp người phụ nữ nghèo khổ kia mua lại số đồ Tết đã sắm nhưng bị nước cuốn trôi đi mất.

Qua các câu chuyện trên, tác giả ca ngợi sự thông minh, thấu hiểu tâm tư nguyện vọng người dân của các vị quan. Đồng thời truyện cũng là tiếng nói mơ ước, khát vọng của nhân dân về cuộc sống tươi đẹp, công bằng.

### **2.1.2. Nhân vật là con vật**

Nhân vật loài vật mà Tô Hoài xây dựng cũng như nhân vật loài vật trong truyện dân gian đều nhằm hỗ trợ để các nhân vật vượt qua thử thách, để phản ánh thế giới loài người. Ngoài ra, các nhân vật loài vật của Tô Hoài còn đảm nhận những nhiệm vụ mới khác. *Thỏ, gà mái và hổ, Công và Quạ, Chuột và Mèo* là những truyện nhằm giải thích nguồn gốc, đặc điểm của các con vật. Tại sao Thỏ bị hở môi, hổ có vằn trên lưng? Tại sao công có bộ lông sặc sỡ mà quạ lại đen trũi?... Tất cả những thắc mắc đó được giải thích bởi những câu chuyện về loài vật. Cũng có cả các nhân vật con vật có khả năng kỳ diệu xuất hiện giúp những người lương thiện hoặc ban tặng cho nhân vật chính diện những vật thần. Tất cả nhằm mục đích khẳng định sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác - một quan niệm xuất phát từ truyện dân gian. Nhân vật con vật trong truyện Tô Hoài còn mang dáng dấp và tính cách của con người. Chúng cũng có những suy nghĩ, những diễn biến nội tâm như con người. Con Chó, con Mèo trong *Con Chó, con Mèo có nghĩa* biết nghĩ đến ân nhân của mình và tìm mọi cách để tìm lại viên ngọc quý chữa bệnh cho mẹ và vợ chàng trai khỏi ốm. Hay bọn Kiến, Chuột, Trăn trong câu chuyện *Trả ân báo oán*

khi hay tin ân nhân gặp nạn chúng liền gọi nhau tìm cách cứu ân nhân và trừng trị đũa em kết nghĩa bất nhân...

Loài vật xuất hiện trong các tác phẩm văn học luôn tạo ấn tượng đẹp với người đọc. Chọn loài vật làm nhân vật chính mang đến giá trị biểu đạt ẩn dụ nội dung to lớn. *Dế mèn phiêu lưu ký* – tác phẩm xây dựng hình ảnh dế mèn tuyệt vời của nhà văn Tô Hoài, chinh phục bao thế hệ độc giả; hay với tác phẩm xúc động *Chó Bi, đời lưu lạc* của nhà văn Ma Văn Kháng thì văn học Việt. Gần đây, nhà văn Nguyễn Nhật Ánh bắt đầu làm sống lại nhân vật loài vật trong tác phẩm văn học bằng *Tôi là Bê-tô*. Viết về loài vật sẽ khó, nếu không có sự quan sát và thiếu độ cảm nhận sâu sắc về thế giới đầy hấp dẫn nhưng cũng đầy thách thức này.

Mặc dù chỉ chiếm số lượng khá khiêm tốn 5/57 truyện bao gồm các con vật gần gũi với đời sống như: chó, mèo, công, quạ, ... nhưng truyện có nhân vật là loài vật để lại ấn tượng sâu sắc với bạn đọc bởi tuy là con vật nhưng tác giả để cho chúng có những đặc điểm tính cách như con người: khi thì hiền lành nhân hậu, khi lại gian xảo nhưng khi lại rất có tình có nghĩa.

Nhân vật Chuột và Mèo trong câu chuyện cùng tên có những nét tính cách ý như tính cách của con người. Chuột vốn là thần trên thiên đình, vốn tính cẩn thận nên được Ngọc Hoàng và các quan cử làm coi kho lương thực. Thần Chuột ban đầu coi gác rất cẩn thận nhưng vì thấy thóc trên thiên đình nhiều đến mức nát, ngo thóc chảy cả ra ngoài rãnh nhớ tới vợ con ở nhà phải chịu cảnh đói bèn nảy lòng tham mỗi lần về bốc mấy nắm bỏ vào vạt áo. Chuột nghĩ vài nắm có là bao rồi dần dần chuột bốc cả tay nải về chia cho cả xóm. Một lần, Ngọc Hoàng đi la cà phát hiện được việc quan Chuột trộm lương thực nhà trời liền lột mũ áo, cho làm bốn chân, đày xuống trần. Nhưng nào ngờ chuột sinh sôi nhanh quá lại phá quá không cách nào diệt hết được nên chủ nhà bàn với Thổ Công lên tâu Ngọc Hoàng cho Thần Mèo xuống dẹp chuột. Thần Mèo tính lười, suốt ngày chỉ nằm ườn thế là đâu vẫn hoàn đấy.

Bằng trí tưởng tượng phong phú và nghệ thuật nhân hóa tài tình tác giả đã hóm hỉnh lí giải đặc điểm, tập tính sinh hoạt và cả thói quen ỉa bép của

mèo làm cho người đọc đặc biệt là thiếu nhi dễ hiểu dễ nhớ được đặc tính của loài vật.

Hay các con vật trong câu chuyện *Thỏ, Gà Mái và Hồ* mỗi con vật một tính cách: Thỏ thì nhớ lâu thù dai, Hồ tính nóng nảy, Gà Mái hiền lành; chúng vốn là nhóm bạn hòa thuận, thân thiết với nhau nhưng vì những xích mích nhỏ nhặt mà đánh nhau đến vết tích bây giờ vẫn còn ở Thỏ và Hồ: “Ngày nay, môi trên của Thỏ vẫn hếch lên như xẻ đôi, đấy là dấu vết còn lại cái lần bị Hồ cào sứt môi. Cũng như ta thấy lưng Hồ vẫn vện vết đen vết vàng, ấy là những chỗ loang lổ bị cháy vẫn hằn lại. Chỉ có Gà Mái hiền lành thì xưa nay hình thù vẫn thế.”[11, tr.28]

Câu chuyện *Công và Quạ* đưa chùn ta đến với tình bạn giữa Công và Quạ tuy tính tình khác nhau nhưng vẫn chơi với nhau vì cả hai cu cậu đều xấu, chả ai thèm chơi với hai cậu cả. Công vốn tính yên phận, thế nào cũng được. Còn Quạ thì băn khoăn ngày đêm nghĩ cách sao cho đẹp mã. Rồi hai bạn rủ nhau đi trộm màu vẽ để vẽ lại bộ cánh cho đẹp mã. Quạ khôn lỏi làm cho Công trước để mình làm sau để có thể có màu đẹp mắt hơn. Nhưng vì ham ăn nên Quạ đã đi theo Quạ Khoang đi kiếm ăn, đến muộn mới sực nhớ ra thì bác thợ vẽ đã đi mất rồi thế nên Quạ đành chịu thân đen trùi trũi suốt đời.

Tác giả dựa vào đặc tính của các loài để hóm hình lí giải cho đặc điểm bề ngoài của chúng giúp người đọc hứng thú hơn khi tìm hiểu về các con vật thân thuộc với cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

Loài vật tuy không có suy nghĩ tiếng nói như con người nhưng chúng rất trung thành và trọng tình nghĩa. Câu chuyện *Con Chó, con Mèo có nghĩa* là một ví dụ. Anh chàng trong lúc dạo chơi đã cứu được con Chó, con Mèo và rần mòng. Từ ngày được anh cứu Chó và Mèo quấn quýt bên anh không rời. Khi viên ngọc quý bị mất chúng không quản ngại khó khăn, gian khổ hết lần này đến lần khác đi tìm lại viên ngọc quý cho anh.

Hay Kiến, Chuột, Trăn trong truyện *Trả ân báo oán* tuy là những con vật có bề ngoài xấu xí thậm chí là đáng sợ nhưng khi được cứu chúng không

hề quên ơn mà còn tìm mọi cách giúp anh khi anh bị anh em kết nghĩa hãm hại.

Các loài vật qua con mắt tinh tế của tác giả trở nên có hồn, có suy nghĩ như con người có loài hiền lành nhân hậu, có loài tham lam độc ác nhưng cuối cùng thì ở hiền sẽ gặp lành, còn độc ác nhất định sẽ gặp quả báo mà thôi. Kết hợp với cách kết thúc có hậu của truyện cổ tích Tô Hoài đã viết nên câu chuyện li kì, cuốn hút người đọc. Đó cũng là lí do khiến Tô Hoài gắn bó thân thiết với các bạn đọc thiếu nhi với biệt danh “người viết truyện đồng thoại”.

### **2.1.3. Các nhân vật khác**

Ngoài nhân vật là con người, con vật thì một kiểu nhân vật không thể thiếu trong các câu chuyện cổ tích đó chính là ông Bụt, bà Tiên luôn xuất hiện mỗi khi người nghèo khổ cần giúp đỡ. Nhân vật Tiên, Bụt vốn là nhân vật không có thật, được xây dựng dựa trên trí tưởng tượng của dân gian nhưng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong câu chuyện. Bụt, Tiên hiện ra, bầu trời bừng sáng, nước mắt người đau khô được lau sạch, hạnh phúc và niềm vui được trao cho, cỏ cây nở hoa, chim cất tiếng hót...

Nhân vật thường xuất hiện nhất đó chính là ông Bụt. Bụt trong truyện *Tám Cám* xuất hiện nhiều lần, mở rộng tình thương che chở cho cô Tám hiền lành, tội nghiệp. Bụt bày cho Tám nuôi con cá bống để cho đời Tám đỡ cô quạnh. Bống bị mẹ con mụ dì ghẻ giết chết, Bụt bày cho Tám chôn xương bống vào hũ, để sau này xương biến thành áo quần, giày dép cho Tám mặc đi hội. Tám bị sát hại, Bụt lại hoá phép cho Tám biến thành chim, thành cây xoan đào, thành quả thị thơm tho, thành cô gái xinh đẹp biết thêm trầu cánh phượng. Chi tiết Bụt sai bày chim sẻ bay đến nhặt thóc cho Tám để Tám được đi hội, thật cảm động. Tám chết đi, sống lại nhiều lần, phải thay đổi kiếp. Phép màu nhiệm của Bụt đã làm cho Tám biến hoá: lúc là người, lúc là chim, lúc là cây, lúc là qua, lúc là đồ vật. Dù mang hình thức gì đi nữa thì vẫn là cô Tám xinh đẹp, nét na, trường tồn, bất diệt.

Anh thợ cày trong truyện *Cây tre trăm đốt* đã gặp Bụt giữa rừng sâu. Bụt đã trao cho anh câu thần chú: "Khắc nhập! Khắc xuất!" để anh tạo ra cây

tre trăm đốt. Chẳng cần vàng ngọc làm sinh lễ chỉ với câu thần chú ấy, anh Khoai cần cù, chất phác đã lấy được con gái phú ông làm vợ. Bụt đã làm thay đổi cuộc đời anh. Bụt đã đem đến cho anh nhiều hạnh phúc.

Nhân vật Bụt, Tiên đã tạo nên yếu tố hoang đường trong cổ tích, đem đến cho tuổi thơ chúng ta nhiều say mê, thích thú khi được nghe bà kể chuyện. Những giấc mơ đẹp mà cổ tích đem lại đã làm cho tâm hồn tuổi thơ giàu có sáng trong. Bà Tiên, ông Bụt đã làm cho cái thiện thắng cái ác, kẻ gian tà bị trừng phạt, người lương thiện được đền bù, ước mơ về công lí, về hạnh phúc được thực hiện bằng "tưởng tượng và ước mơ":

“Ở hiền thì lại gặp lành,

Người ngay thì được người tiên độ trì.

Mang theo truyện cổ tôi đi

Nghe trong cuộc sống thân thì tiếng xưa”

(*Chuyện cổ tích nước mình* - Lâm Thị Mỹ Dạ)

Ngoài nhân vật là Bụt, là Tiên luôn giúp đỡ người nghèo khổ thì ta cũng bắt gặp nhân vật phản diện chuyên bắt nạt người hiền như câu chuyện *Cây nêu ngày Tết*. Quỷ sinh sống khắp nơi, chúng nó cậy là chúa đất chỉ mãi mê rong chơi và tìm cái ăn sẵn. Nó ngạo mạn bắt người làm gì cũng phải xin phép nó. Khi người trồng lúa, nó thu hết ngọn còn phần người gốc rạ mà gốc rạ thì làm sao mà ăn được người đòi lại càng thêm đòi. Nhờ sự giúp đỡ của Phật, mấy vụ liền người có cái ăn. Quỷ đòi ăn ngọn Phật liền cho người giống khoai lang để trồng, quỷ tức lắm đòi ăn cả ngọn lẫn gốc Phật lại cho người giống ngô để trồng. Mấy lần liền không được ăn quỷ tức giận không cho người trồng cây gì nữa. Quỷ tham ăn, lừa dối cậy mình mạnh bắt nạt người nhưng cuối cùng cũng bị trừng phạt thích đáng. Quỷ bị Phật đuổi chạy mãi ra tới tận bờ bể Đông không dám bén mảng về nữa.

Hay ba con quỷ cáo hay trêu chọc người trong truyện cùng tên. Chúng biết nhà phú ông có cô con gái xinh đẹp nên bàn mưu đến trêu ghẹo. Chúng hóa thành cây hoa lạ nhưng cô gái không thích nên cũng không để ý đến cây

hoa lạ nữa. Phú ông tiếc nên lấy một cành làm then cửa buồng, ba con quỷ cáo liền nhân cơ hội chui vào then cửa. Chúng trêu ghẹo cô rồi hớp hồn cô gái. Trêu ghẹo cô gái thôi chưa đủ, thấy phú ông nghe tiếng động chạy vào chúng cũng bóp cổ rồi hớp hồn mất. Người nhà phải tìm thầy pháp đến trừ tà mới cứu được bố còn cô gái thì vẫn mê man. Sau đó nhờ sự giúp đỡ của thầy đồ đã cứu được cô gái và trừng trị thích đáng ba con quỷ cáo đó.

Các nhân vật này thường là những loài có hình dáng bên ngoài xấu xí đã thế còn ham ăn lừa làm, thích bắt nạt người khác. Truyện *Cây nêu ngày Tết* tác giả tả những con quỷ: “Hai hàm răng quỷ chìa ra, nhai ngoàm ngoạp cả đêm không mỏi và chẳng bao giờ biết no.”[11, tr.64] Những con quỷ đó không những xấu người mà còn xấu cả nét. Chúng ăn nhiều, ăn suốt ngày đêm nhưng chẳng bao giờ chịu làm, lang thang rong chơi khắp nơi. Vì ăn nhiều thế chúng tìm cách dọa nạt những người nông dân vất vả một nắng hai sương rằng đất là của chúng và chúng cho phép họ trồng cấy. Nhưng độc ác thay đến mùa thu hoạch chúng đòi ăn hết ngọn chỉ phần cho người những gốc trơ toàn rạ mà rạ thì làm sao mà ăn được. Công sức trồng cấy chăm bón mấy tháng ròng cuối cùng lại bị lũ quỷ kia cướp hết không còn gì ăn.

Truyện *Sự tích ông Ba Mươi* kể về Phạm Nhĩ – một người có sức khỏe và nghịch ngợm khác thường. Đặc biệt Phạm Nhĩ có vành tai “dài thông quá thể”. Anh chàng này táo tợn, ngỗ ngược lại luôn ngứa ngáy chân tay nên anh hết đi nghịch phá lại gạ mọi người đánh nhau. Anh chàng chẳng biết sợ ai cả. Vì không được Ngọc Hoàng mời làm quan nên anh ta tức lắm bèn tập hợp “những người nông nghênh ở các cõi” về đi cướp phá khắp nơi. Được thể bọn chúng còn kéo nhau lên đánh nhau với nhà Trời. Ngọc Hoàng thất kinh phải cầu cứu Đức Phật. Bắt được Phạm Nhĩ rồi nhưng Ngọc Hoàng đắn đo suy nghĩ lắm phải tính xem cho làm việc gì vất vả, bận rộn để nó phải quay về trời phá lung tung. Thế là Phạm Nhĩ xuống trần gian cai quản rừng núi các cõi, làm chúa sơn lâm.

Các nhân vật này tuy có sức khỏe hơn người nhưng không chịu khó làm ăn mà lại thích đi phá phách, bắt nạt người yếu thế hơn mình.



## 2.2. THẾ GIỚI NHÂN VẬT PHẢN CHIẾU CUỘC SỐNG CỦA CON NGƯỜI

### 2.2.1. Phong tục tập quán

Những câu chuyện kể về các phong tục tập quán được tác giả tái hiện trong *Chuyện ngày xưa – Một trăm cổ tích*. Tiêu biểu có thể kể ra ở đây truyện *Cây nêu ngày Tết*, truyện *Bánh chưng, bánh dày*, truyện *Sự tích lá trầu quả cau*... Các câu chuyện lí giải cho ta hiểu thêm về nguồn gốc sâu xa của các phong tục mà người Việt ta vẫn đang làm như tại sao lại gói bánh chưng, bánh dày mỗi dịp Tết Nguyên đán:

“Bánh chưng, bánh dày là nguồn gốc cái ăn cái ở của con người ta, đã là nguồn gốc thì ai cũng nhớ đời như miếng ăn ngon miệng hàng ngày.... Đã cả nghìn năm nay thành phong tục, mỗi khi Tết Cả đến, dẫu nhà khó hay nhà khá giả đều nấu bánh chưng, giã bánh dày.”[12, tr.72,74]

Đối với người Việt Nam, bánh chưng chính là tượng trưng cho một nét đẹp văn hóa đặc trưng của dân tộc. Trải qua nhiều thế hệ xã hội, nhưng đời sống văn hóa với bánh chưng của người Việt chưa bao giờ bị mai một đi. Người Việt Nam thường hay nói với nhau, thấy đào thấy quất thấy bánh chưng là thấy Tết. Bánh chưng xuất hiện như là một hình ảnh đặc trưng của ngày Tết truyền thống Việt Nam vậy.

*Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ*

*Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.*

Hay tại sao đến Tết người ta lại trồng cây nêu trước cửa nhà:

“Mỗi nhà có tục Tết Cả trồng cây tre dựng làm nêu từ ngày ấy. Cắm trước của một cành tre. Lấy đất nung thành những cái khánh, những con cá, treo lên. Trong gió đưa, cái khánh và con cá đất reo leng keng. Dưới chân cây nêu lại đem vôi bột vẽ hình cánh cung, mũi tên, buộc trên một bó lá dứa. Tiếng chuông khánh dọa đuổi, cánh cùng với giương lên sắp bắn, túm lá dứa lửa tủa gai sắc không bước qua được. Quý biết đây là nơi Người ở, không dám bén mảng tới.”[11, tr.69]

Ăn trầu là một phong tục cổ truyền của người Việt Nam có từ thời Hùng Vương. Miếng trầu gắn liền với một câu chuyện *Sự tích lá trầu quả*

*cau* đầy tình anh em, vợ chồng: “Câu chuyện tình nghĩa được kể lại lan xa, rồi đâu đâu cũng thuộc tích ấy và người ta trồng cây cau, vắt giàn trầu không leo cây cau, lại tời bình vôi treo dưới gốc cây. Mọi đình đám tế lễ, đám cưới cả nước đều phải có miếng trầu, quả cau. Quả cau, lá trầu lan truyền ở nước ta và khắp các cõi bên kia bể Đông, các dân tộc đã thành nền nếp tèm trầu ăn. Nhai miếng trầu chát chát say say để nhớ tình nghĩa con người như vợ chồng, anh em nhà ấy.”[11, tr.198]

Miếng trầu xuất hiện nhiều trong đời sống sinh hoạt của người dân Việt. Như người xưa đã nói “Miếng trầu là đầu câu chuyện”, trầu dùng để mời khách đến chơi nhà. Mâm cỗ cúng gia tiên cũng không thể thiếu được miếng trầu. Tiệc cưới có đĩa trầu để chia vui. Miếng trầu, còn là tượng trưng cho tình yêu lứa đôi; miếng trầu đi đầu, tác hợp cho lứa đôi và là sợi dây kết chặt mối lương duyên trai, gái thành vợ thành chồng. Để đưa mâm lễ sang thưa chuyện nhà gái, nhà trai không thể thiếu được lá trầu, quả cau.

Phong tục làm cho sắc thái văn hóa trở nên đa dạng, phong tục giúp chúng ta phân biệt được cộng đồng này, dân tộc này, nước này khác với cộng đồng khác, dân tộc khác, nước khác. Sống đúng với phong tục của nước mình, dân tộc mình mới là sống đúng với truyền thống. Phong tục Việt Nam nói chung và các phong tục của dân tộc thiểu số trên lãnh thổ Việt Nam nói riêng là một đề tài vô tận, bởi nước ta có 54 dân tộc với rất nhiều phong tục, nghi lễ văn hóa khác nhau. Có thể nói, phong tục là nét đặc trưng của một quốc gia, một dân tộc, thậm chí là một làng, một xã, một thôn, một gia đình... Phong tục được hình thành từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác, tạo nên sự duy trì về những giá trị tốt đẹp, để những thói quen tốt được không bị mai một mà được lưu giữ và phát triển ngàn năm. Chính vì lẽ đó mà phong tục ngày càng phát triển, không chỉ giới hạn trong một phạm vi cộng đồng dân cư cụ thể mà có còn lan truyền và được tiếp thu từ thôn này sang thôn khác, xã này sang xã khác, huyện này sang huyện khác, tỉnh, thành phố này sang tỉnh, thành phố khác, từ miền này sang miền khác,... mở rộng phạm vi lên đến cả nước, tạo nên những giá trị tốt đẹp khẳng định giá trị của Việt

Nam trên cả trường quốc tế, là một trong những giá trị mà không phải quốc gia nào cũng đạt được, kể cả các cường quốc phát triển trên thế giới.

### **2.2.1. Lao động sản xuất**

Trong các truyện này, chúng ta cũng có thể thấy hình ảnh người Việt Nam trong thời kì đang mở nước. Ở đó có những gian lao vất vả của người dân lam lũ, cần cù và cam chịu. Từ thuở khai thiên lập địa, con người phải đấu tranh với quỷ mới có đất trồng cây:

“Ngày xưa ngày xưa, mặt đất còn thưa thớt chưa có mấy người ở. Chỗ nào cũng chỉ toàn một giống quỷ. Quỷ sinh sống khắp mọi nơi. Suốt ngày, quỷ kéo đàn đi. Chúng nó cậy là chúa đất cho nên chỉ lang thang rong chơi và đi tìm những cái ăn sẵn. Mà quỷ ăn khoẻ lắm. Hai hàm răng quỷ chia ra, nhai ngoài ngoài cả đêm không mỏi và chẳng bao giờ biết no. Con người chưa có mấy, càng sợ quỷ, chỉ ở rúm ró từng nơi. Làm cái gì cũng phải hỏi, quỷ có cho làm mới được làm. Bởi vì quỷ dọa: "Đất này, trời này, cái cây này, con sông này là của tao" .”[11, tr.64]

Không khí làm ăn được tác giả tái hiện trong *Bánh chưng, bánh dầy*:  
“Những ngày lo tết cuối năm, khắp kinh đô nhộn nhịp khác thường, nhất là khi được tin tết cả năm nay vua mở hội thi tài kén hoàng thái tử.

Các hoàng tử đua nhau cho gia nhân đi khắp nơi tìm của ngon vật lạ.

Người lên rừng đi săn, khiêng về những cũi nhốt tê giác, voi trắng, hổ lông đỏ, những con báo đen, báo hoa, những lồng con chim phượng, chim bạch trĩ.

Những người xuống sông đánh cá anh vũ, lặn lội lên đầu nguồn bắt ếch hương và những con cá trắm, cá chuối sống lách mình giữa các lườn đá, thân không một miếng thịt mỡ, thịt thơm ngon lạ.

Lại dong thuyền ra khơi câu những con rồng nước rất hiếm” [11, tr.71]

Sau các câu chuyện về hành trình mở nước là quá trình xây dựng đất nước, làm ăn của dân ta. Những người nông dân chịu thương chịu khó, một nắng hai sương làm lụng mong ước cuộc sống no đủ.

Những truyện dân gian viết lại của Tô Hoài không chỉ cho thấy cuộc sống của người Việt Nam từ thuở khai thiên lập địa với những nhọc nhằn, vất

vả, khó khăn nhưng đầy ắp những tình cảm cao đẹp và niềm tin trong sáng vào con người, vào cuộc sống.

Chúng ta có thể thấy cả một cuộc sống với lòng thương yêu và bao dung trong hành động dạy chồng của người phụ nữ ở *Gái ngoan dạy chồng*. Chuyện kể về một người đàn ông hư hỏng, lấy được vợ hiền nhưng không chịu tu tâm làm ăn mà vẫn giữ thói tật của một tay phá gia chi tử. Thế rồi gia đình khánh kiệt, hắt bỏ đi lang thang, trở thành kẻ ăn mày đói rách sau khi đã đuổi vợ ra khỏi nhà. Người đàn bà khốn khổ mà giới giang ấy đã tìm cách trở nên giàu có trong sự làm ăn lương thiện. Cuối cùng, sau bao nhiêu thử thách, sóng gió, chị đã biến chồng thành một người tốt và cùng chồng sum họp. Đây chính là một trong những biểu hiện của lòng thương yêu, đức hi sinh của người phụ nữ Việt Nam, của người Việt Nam. Chuyện *Con chó, con mèo có nghĩa* cũng vậy, tuy nói về những con vật, nhưng cũng chính là nói về cuộc sống của con người. Con chó, con mèo là những con vật thân thiết nhất trong đời sống của cư dân người Việt. Hai loài vật này do gần gũi với con người nên cũng trở nên hiền lành hoặc thủy chung, trung tín. Trong chuyện này, chúng ta có thể thấy cả một thế giới của tình yêu thương và niềm tin. Một con người, một con chó, một con mèo mà làm nên một tình bạn thật cảm động, sâu sắc. Chuyện được mở đầu bằng không khí của thương yêu:

“Không phải người giàu lòng tốt thì đều là người nhiều tiền bạc. Đời thường trở trêu, mẹ con nhà kia, ai có việc đến nhờ, khó nhọc thế nào cũng giúp, chỉ phải cái nghèo quá, quanh năm chẳng khi nào đủ ăn, đủ mặc”[11, tr.55]

Thế rồi có một người thuyền buôn đến thuê anh làm việc. Trong chuyến làm ăn lưu động theo thuyền ấy, bằng tình yêu thương, niềm tin vào sự lương thiện của thế giới con người và cả loài vật anh lần lượt cứu chó, mèo, rắn mòng khỏi cái chết. Với cách làm lương thiện đó, anh đã được những con vật này trả nghĩa. Tác phẩm muốn chỉ ra rằng, trong thế giới này, chỉ trừ khi ta không chịu khó kiếm tìm, ta sẽ nhận được sự phũ phàng, sẽ nhận được một quan niệm về thế giới chỉ toàn điều ác: chó, mèo bị chìm nước vì ăn

vụng, rần mòng bị làm thịt vì thịt thơm ngon... Còn nếu chúng ta sống với yêu thương, chịu khó mở lòng ra với thế giới, chúng ta sẽ được đón nhận những đền đáp xứng đáng.

Cuộc sống của người Việt thuở xưa chủ yếu dựa vào nền nông nghiệp lúa nước. Chính vì điều này mà gia đình, làng xã với họ trở nên hết sức quan trọng, và tình cảm gia đình, theo đó cũng trở thành một yếu tố hết sức quan trọng trong việc tổ chức đời sống. Điều này được Tô Hoài thể hiện một cách sâu sắc trong những truyện dân gian viết lại của mình, trong tình cảm gia đình nhà Chử trong tình cảm gia đình An Tiêm, trong tình cảm vợ chồng ở *Lọ nước thần*, *Á Chức chàng Nguru*, *Lấy vợ cóc*, *Ông bố vui tính*, ...

Trong *Gái ngoan dạy chồng*, tác giả miêu tả việc nấu nướng của cô gái:

“Phú ông ngồi trên nhà trên uống nước với bố mẹ. Nhanh nhẹn, cô gái vo gạo, bỏ lẹ gạo tẻ vào nồi rồi đem ra cối giã gạo nếp, nắm lại, làm bánh dày. Khi cơm sôi, bỏ bánh vào hấp. Thế là lúc cơm chín thì chín đều cả cơm lẫn bánh” [11, tr.17]. Mặc dù kể lại chuyện nấu nướng của cô gái và thông qua đó mà người phú ông chọn dâu. Tuy nhiên, qua đó chúng ta cũng có thể thấy được cách chế biến món ăn của người Việt.

Nhắc đến cách chế biến món ăn của người Việt sẽ thật thiếu sót nếu chúng ta không kể đến truyện *Bánh chưng, bánh dày* khi Lang Liêu trần trở suy nghĩ làm món ngon dâng vua cha thì mẹ đã hướng dẫn chàng làm món ngon từ các nguyên liệu gần gũi, thân thuộc hàng ngày:

“Này chiếc lá dong xanh mát mát vừa ngắt ngoài vườn kia, những đầu gạo nếp hoa vàng mẹ đã vo sẵn. Miếng thịt lợn ba chỉ đặt giữa lớp nhân đậu xanh. Bốn góc lá dong gói gạo đứng thành lên rồi buộc vắt tám ở lạt giang thế là buộc nên chiếc bánh vuông có góc có cạnh. ... Còn đây, thùng gạo nếp cái để giã ra làm thành bánh dày, chiếc bánh dày trắng trong như ông mặt trăng, ông mặt trời ngày đêm soi sáng cho muôn loài trên thế gian. ...” [11, tr.72]

Món ăn được làm từ các nguyên liệu gần gũi, thân thuộc với nhân dân nhưng khi kết hợp lại với nhau thì tạo thành món ngon lạ lùng. Bánh chưng là sự kết hợp hài hòa giữa vỏ bánh làm từ gạo nếp với nhân đậu xanh thịt lợn tạo

nên hương vị khó quên. Ai nấy đều tấm tắc khen món ngon của Lang Liêu. Món bánh dân dã nhưng mang lòng hiếu thảo của con cháu với các thế hệ cha ông. “Đã cả nghìn năm nay thành phong tục, mỗi khi Tết Cả đến, đâu nhà khó hay nhà khá giả đều nấu bánh chưng, giã bánh dày.”[11, tr.74]

Qua các câu chuyện ta thấy được hình ảnh con người hăng say lao động sản xuất thể hiện ước mong về cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Bên cạnh những giờ phút lao động hăng say ta cũng thấy hình ảnh con người trong các sinh hoạt thường ngày.

## CHƯƠNG 3

### NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRONG “CHUYỆN NGÀY XƯA MỘT TRĂM CỔ TÍCH” CỦA TÔ HOÀI

#### 3.1. NGHỆ THUẬT MIÊU TẢ NGOẠI HÌNH NHÂN VẬT

Nhân vật chính là phương tiện cơ bản để nhà văn khái quát hiện thực một cách hình tượng. Cho nên dù đề cập đến vấn đề gì đi nữa thì trong tác phẩm văn học “không thể thiếu nhân vật, bởi vì đó là hình thức cơ bản để qua đó văn học miêu tả thế giới một cách hình tượng”. Có thể nói, nhân vật chính là linh hồn của tác phẩm, là con đẻ tinh thần của nhà văn. Ngoại hình là vẻ bên ngoài của nhân vật, nhưng nó cũng thể hiện thần thái, tính cách của nhân vật, do đó Tô Hoài đã chọn lọc các chi tiết rất nhỏ, rất cụ thể để chỉ bằng mấy dòng có thể làm cho nhân vật đó hiện lên sắc nét, sinh động như thực.

Nếu Nam Cao, Thạch Lam thường đi sâu miêu tả thế giới bên trong của nhân vật thì Tô Hoài lại có biệt tài miêu tả ngoại hình nhân vật. Khi miêu tả ngoại hình của các nhân vật, Tô Hoài đã quan sát rất kĩ, tìm ra đặc điểm riêng và vận dụng vốn ngôn ngữ đời sống phong phú của mình để lột tả nhân vật. Dù tác phẩm ít hay nhiều nhân vật, đối tượng nhân vật giống hay khác nhau thì ta đều tìm thấy bộ mặt riêng của mỗi nhân vật.

Trong hàng loạt câu chuyện, Tô Hoài đã xây dựng một hệ thống nhân vật phong phú và đa dạng. Mỗi nhân vật được khắc họa với một dáng hình, một tính cách riêng khó trộn lẫn. Đọc sáng tác của Tô Hoài, chúng tôi nhận thấy các ông dành nhiều tâm huyết để sáng tạo chân dung người nông dân thành những hình tượng sinh động gắn liền với quan niệm thẩm mỹ trong đời sống xã hội đương thời.

Tác giả tập trung miêu tả hình ảnh những người nông dân hiền lành, thật thà chất phác như anh nông dân trong câu chuyện *Giàu ba họ, khó ba đời*. anh rất chăm chỉ, chịu khó: “Lần nữa đã ngoài ba mươi tuổi, quanh năm vẫn đóng một cái khó đơn. Không có nổi cái áo lành tử tế để mặc đi thi.”[11, tr.36] Chỉ bằng vài câu tả đơn giản ta đã hình dung ra được một chàng trai hiền lành, chăm chỉ nhưng nghèo xơ xác. Hay anh thợ cày “khỏe mạnh, hiền

lành, chăm làm mà không tính toán công xá” trong câu chuyện *Cây tre trăm đốt*. Vì khỏe mạnh lại hiền lành nên phú ông đã tìm cách ràng buộc chàng trai. Tuy mỗi người một hình dáng khác nhau nhưng đều có chung dáng vẻ hiền lành, chất phác.

Nhân vật Tấm được tác giả miêu tả: “Tấm đẹp như tiên sa”. Chúng ta nào đã ai được trông thấy cô tiên như thế nào nhưng nhắc đến cô tiên ta liền tưởng tượng ra một cô gái xinh đẹp, nhân hậu với giọng nói nhẹ nhàng bước đi uyển chuyển thanh thoát. Tấm xinh đẹp như thế nhưng liệu cô có được sống sung sướng hạnh phúc bên Cưng miêu tả vẻ đẹp của người con gái, trong câu chuyện *Cô gái lấy chồng hoàng tử* tác giả tả: “Một nhà trong làng sinh được một người con gái đến khi tuổi vừa đôi tám thì sắc đẹp tiếng đồn ra ngoài cõi. Ai cũng nói đùa cô:

- Người đẹp nhường này thì phải lấy được hoàng tử con vua mới xứng.”[11, tr.139]

Cô gái đẹp nức tiếng gần xa khiến người ta so sánh cô với hoàng tử con vua mới xứng đôi.

Nhân vật Thị Kính được tác giả tập trung miêu tả khi giả trai quy y cửa Phật: “Chú tiểu Kính Tâm quần nâu áo vải nền nã rõ ra là một chàng trai trẻ đẹp nhất làng... Chú tiểu Kính Tâm lại có đôi mắt tình tứ, nụ cười hoa nở đã khiến bao cô gái làng chết mê chết mệt.”[12, tr.43] Bằng vài câu tả chú tiểu Kính Tâm do Thị Kính giả trai mà ta có thể hình dung ra nhan sắc bao người mê của cô. Nhưng nhan sắc xinh đẹp thế khiến người đọc tò mò về diễn biến câu chuyện cũng như số phận của cô. Liệu rằng cô hạnh phúc gặp được ý chung nhân của mình hay gặp tai họa nào đó.

Tác giả Tô Hoài cũng dành tâm huyết của mình khắc họa tuyến nhân vật tham lam, độc ác ức hiếp người lương thiện. Tiêu biểu cho kiểu người này là nhân vật mẹ Lường giàu có nổi tiếng ở Hạ Châu. Tác giả tả mẹ: “một bà xiêm áo diêm dúa, cùng một đám gia nhân bao quanh”. Chỉ bằng vài câu chữ ngắn gọn ta đã mừng tượng ra một bà chủ giàu có ở bên lớn, có kẻ hầu người hạ vây quanh.



Nhân vật là con vật tuy chiếm số lượng không lớn nhưng cũng được tác giả tập trung miêu tả bằng các đặc điểm điển hình của loài. Ví dụ như vợ con và xóm nhà thần Chuột khi bị đói kém “người nào cũng hom hem” không riêng nhà thần Chuột mà cả xóm ai cũng “gầy gò, vêu vao” nhưng khi được quan Chuột mang thóc về cho cả nhà chuột “tươi tỉnh, béo phây” rồi xóm chuột “ai nấy béo mồm, cười nói thật là vui”. Qua một vài từ ngữ miêu tả của tác giả ta thấy một xóm làng trù phú không hề thấy một chút ảnh hưởng nào của nạn đói đang diễn ra khắp trần gian và thiên đình. Là con vật nhưng được tác giả miêu tả bằng các từ ngữ tả người với gia đình và làng xóm như xã hội loài người thu nhỏ.

Hay chim Vàng Anh trong truyện *Tám Cám*. Tại sao không phải là một loài chim nào khác mà tác giả lại chọn Vàng Anh? Để lí giải cho thắc mắc đó tác giả đã lột tả ngoại hình của chim: “Chim Vàng Anh đẹp nhất các loại chim, mỏ ngà mình vàng như lụa óng màu hoa cau, chim bay như đóa hoa ngọc lan bay. Khi Vàng Anh xuống đậu trong cây, cái cây cũng đẹp hơn mọi khi.”[11, tr.132] Chim Vàng Anh là hiện thân của cô Tám xinh đẹp nên nó cũng mang vẻ đẹp riêng, vẻ đẹp không lẫn đi đâu được.

Công và Quạ hai con vật tưởng chừng không liên quan gì đến nhau nhưng lại chơi thân với nhau vì “hai cu cậu cùng xấu trai”. Đọc đến đây chắc nhiều người không khỏi thắc mắc tại sao lại nói Công và Quạ “cùng xấu trai”? Ta thường thấy con công màu sắc sặc sỡ, cái đuôi như chiếc quạt rục rờ sắc màu. Nhưng thuở xa xưa, công chưa đẹp được như bây giờ. “Công thô kệch, mắt kiếng lệch, cái đầu bé tẹo, cái cổ ngẩng lại dài nghêu, cái đuôi nặng như chiếc quạt thóc đeo sau đít. Mỗi khi xòe ra múa trông cứ xám xịt như con mưa đến nơi, Còn Quạ ta thì đen như cục than. Không hót, không múa, đứng đâu cũng kêu " quạ ... quạ ..." nghe cũng buồn lây.”[12, tr.9] Tác giả đã khơi gợi được sự tò mò nơi bạn đọc về câu chuyện của đôi bạn này.

Thật là thiếu sót nếu chúng ta không kể đến nhân vật là thần tiên trong truyện cổ tích viết lại của Tô Hoài. Kiểu nhân vật này thể hiện niềm mong ước của nhân dân về thế giới công bằng. Tuổi thơ ta lớn lên trong những câu

chuyện cổ tích của bà của mẹ. Hình ảnh những ông Bụt, bà Tiên, con Cò trong những câu chuyện cổ tích đã nuôi dưỡng tâm hồn ta từ thuở nhỏ, đã rất quen thuộc với mọi người dân Việt Nam. Nhân vật ông Bụt, ông Phật trong câu chuyện của Tô Hoài tuy không được miêu tả cụ thể nhưng ta vẫn hình dung ra được đó là những người hiền từ luôn xuất hiện giúp đỡ người gặp khó khăn.

Những nhân vật Tiên, Bụt xuất hiện không phải để thuyết minh cho lí tưởng tôn giáo mà chính là để phù trợ cho cái thiện thắng cái ác. Lòng tin ở hiền gặp lành là một niềm tin chất phác nhưng tốt đẹp biết bao, nuôi dưỡng trong tâm hồn ta những cảm xúc trong sáng, những ý nghĩ tốt lành đối với con người và cuộc đời.

### 3.2. NGHỆ THUẬT MIÊU TẢ TÍNH CÁCH TÂM LÍ NHÂN VẬT

Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật chính là thước đo tài năng của người nghệ sĩ. Qua cách mà họ miêu tả tâm lí nhân vật ta thấy được phần nào sự tinh tế, tâm huyết mà tác giả dành cho tác phẩm của mình. Tuy bạn đọc chủ yếu là thiếu nhi nhưng việc miêu tả tâm lí của nhân vật trong truyện cũng đã được chú ý rất nhiều. Nhưng ở những truyện dân gian viết lại, yếu tố nội tâm thực sự là một sáng tạo nghệ thuật của Tô Hoài.

Hầu hết nhân vật trong truyện đều đã có diễn biến tâm lí phức tạp, có sự toan tính, suy tư riêng cho bản thân. Tuy nhiên vẫn còn một số nhân vật có diễn biến tâm lí không quá phức tạp, họ thể hiện niềm vui bằng hành động cười tươi, hay nhảy lên vui sướng hay có những lúc buồn họ có thể ngồi suy tư, hay lại khóc thút thít như một đứa trẻ.

Ví dụ như câu chuyện *Chàng Ngốc được kiện* anh chàng được làng nước đặt tên là Ngốc vì tính tình ngờ nghệch, ngẩn ngơ. Anh làm cho lão nhà giàu nợ mười năm được trả công bằng ba nén vàng giả nhưng xưa nay anh đã trông thấy vàng bao giờ đâu. Cầm ba nén vàng anh mừng lắm liền đi chơi ở kinh đô. Rồi năm lần bảy lượt bị lừa: người thợ bạc lừa anh đổi sáu thỏi chì mạ bạc. Chàng Ngốc nghe người hàng giầy gạt bùi tai liền đổi những thỏi bạc

lấy một trăm tờ giấy lụa. Anh Ngọc cũng ham vui và tò mò như một đứa trẻ khi thấy chiếc chong chóng xanh đỏ - cái “thiên địa vận” mà bọn trẻ đang chơi trông thật vui mắt. Nghe bọn trẻ khoe anh cũng tin là thật đem hết số giấy lụa mình có đổi với bọn trẻ, Rồi lại bị đám trẻ khác lừa đổi lấy con niềng niềng mà bọn trẻ gọi là “ngọc lưu li”. Anh vui mừng khôn xiết vì có ngọc quý đem dâng vua. Khi quan đại thần làm bay mất ngọc lưu li Ngọc như một đứa trẻ “khóc tướng lên bắt đền, rồi lại lăn ra nằm vạ”.

Hay ở truyện *Cây tre trăm đốt* anh chàng thợ cày hiền lành khi nghe phú ông hứa gả cô Út cho không nghi ngờ gì mà chăm chỉ làm việc từ sớm tinh mơ đến tối khuya. Ngày phú ông gả con cho nhà giàu làng bên ông ta lừa anh vào rừng tìm cây tre trăm đốt nói là để chuẩn bị làm đám cưới. Anh nghe được thì mừng lắm vì phú ông nói thế là anh sắp được cưới cô Út rồi nhưng vui một thì lo mười, vì phải tìm đâu được cây tre đủ một trăm đốt bây giờ. Đi khắp bụi tre này đến bụi khác chọn những cây cao nhất hạ xuống cũng chỉ được có mấy chục đốt. Tìm hoài tìm mãi vẫn không tìm thấy cây tre nào có một trăm đốt chàng trai lo sợ ôm mặt khóc nức nở tâm trạng lo lắng vì không tìm được cây tre như yêu cầu của phú ông. Khi được Bụt giúp bảo chặt một trăm đốt tre anh vui mừng khôn xiết vội vàng chạy đi làm ngay. Tâm trạng của anh chàng như một đứa trẻ đang buồn bã khóc lóc khi nhận được sự giúp đỡ thì có thể cười ngay. Chặt được một trăm đốt tre rồi nhưng anh chợt nhớ tới lời phú ông dặn làm phải chặt cây tre trăm đốt chứ không phải một trăm đốt tre anh lại buồn bã khóc lóc. Một lần nữa bụt xuất hiện gỡ bỏ khó khăn cho anh. Khi anh mang tre về được đến nhà thì mọi người đang ăn uống linh đình, anh vẫn chưa hề hay biết gì vẫn lễ phép thưa với phú ông. Phú ông khi nhìn thấy những đốt tre nổi cơn lôi đình toan định đuổi đánh anh anh không hề sợ hãi mà bình tĩnh đọc câu thần chú của Bụt dạy làm cho phú ông đứng gàn đó cũng dính luôn vài cây tre.

Các nhân vật trong *Sự tích lá trầu quả cau* có những suy nghĩ, trần trụi khác với nhân vật xưa trong cổ tích. Vì hai anh em vốn giống nhau như hai giọt nước khiến người ngoài khó phân biệt được nên một hôm nợ chị vợ đã

nhằm người em thành người anh. “Chỉ một nhằm lần nhỏ nhất, cũng chẳng phải tại ai cố có ý tứ thế nào nhưng người em đâm ra nghĩ ngợi rồi lo lắng. Vì em mà chị phải ngược. Chẳng biết anh có giận không, có nghi ngờ ta không? Đã cả nghĩ, càng rối ruột, lo quẩn lo quanh mãi. Đến đổi, lo quá, không cời được cái lo ra, một ngày kia người em bỏ nhà đi.”[11, tr.195]

Chỉ là chút nhằm lần nhưng vì người em cả nghĩ nên nghĩ mãi không thông rồi lại lo vẩn vơ..... Tình cảm thương nhớ anh mình của người em, đọng lại thành một khối rắn chắc trong phiến đá mà chàng hóa thân.

Hay nhân vật nhà vua trong *Tám Cám* luôn trăn trở, buồn bã, nhớ thương không nguôi Tám khi Tám mất đi. Mỗi lúc như vậy, nhà vua thường nhớ đến những kỉ niệm yêu thương của hai người mà nhân vật nhà vua trong truyện dân gian không có những biểu hiện nội tâm này.

“Vua buồn lắm. Nhưng nhớ Tám, lại thương mẹ con nhà Cám, vua nhận cho Cám vào cung.”[12, tr.132]

Sau khi Tám chết, Tám hóa thân thành chi vàng anh ríu rít bầu bạn với vua làm cho vua tưởng như Tám sắp về. Khi hay tin vàng anh chết: “Vua lặng người như hôm nghe tin Tám ngã cây cau chết đuối dưới ao. Cả ngày, cả tháng vua không nói một lời.”[12, tr.133]

Nhân vật quan lại, người giàu trong truyện cổ tích của Tô Hoài bên cạnh những người anh minh, ra sức giúp đỡ người nghèo khổ thì cũng có là nhân vật phản diện. Họ đều có điểm chung trong tính cách là tham lam, gian ác, coi trọng tiền tài, khinh thường đạo nghĩa, những con người này thường đi ngược với đạo lý và lý tưởng của con người, được miêu tả trong truyện với thái độ chế giễu, lên án và phủ định. Người Việt đã không ngần ngại khi vạch mặt thế lực thống trị là các quan lại ăn chơi xa xỉ, không chú ý đến việc dân, việc nước, làm hại dân lành. Đó là viên quan trong truyện *Nàng Xuân Hương* cậy quyền cậy thế, đam mê sắc đẹp, ép buộc nàng Xuân Hương phải thuận theo ý mình, hấn vốn dĩ cứ tưởng “cô gái bình thường trong làng mà được về làm thê thiếp nhà quan không phải chuyện dễ, biết bao nhiêu người ước mà chẳng được...”[12, tr.162]. Khi bị cự tuyệt, hấn dùng thủ đoạn bỉ ổi và bắt

nàng vào nhà giam nhưng hắn vẫn nuôi dã tâm lấy nàng Xuân Hương thế là hắn mò tận vào ngục dùng lời lẽ ngon ngọt dỗ dành nàng. Sự kiên quyết từ chối của Xuân Hương làm hắn ta tức giận, quyết tâm làn nhục nàng. Vì thế họ sẵn sàng phá hủy những gì mình không thể có, mà đâu biết rằng gieo gió ắt gặt bão, hậu quả phải gánh chịu sẽ đắt hơn rất nhiều. Những việc làm xấu xa của viên quan này không che đậy con mắt dân chúng: “ai cũng oán lão quan phủ độc ác, cây quyền đã đang tâm vùi dập tan nát cửa nhà người dân lành...”[12, tr.164]

Không chỉ những kẻ có quyền chức lợi dụng người dân nghèo hiền lành, lương thiện để làm giàu, phục vụ mục đích cá nhân mà ngay cả những phần tử giàu có cũng tàn ác và tham lam không kém, họ nắm trong tay nhiều tiền của từ đó tác oai, tác quái khiến dân nghèo phải điêu đứng, suốt đời làm kẻ hầu người hạ cho chúng. Một số truyện có thể kể ra như là: *Mụ Lương*, *Thần giữ cửa*, *Viên ngọc xanh* ... đã cho thấy tính cách của những kẻ nhà giàu: tham lam, keo kiệt, giả dối, tính cách này được tiếp nối ở cả thế hệ con, cháu trong những gia đình trọc phú, trưởng giả; ngay cả những người con là phận gái cũng dùng nhan sắc để lừa gạt nhằm chiếm đoạt gia tài người khác, coi rẻ tình nghĩa vợ chồng, ham phú quý. Các gia đình phú ông hay đưa ra mưu kế: hứa gả con gái cho người ở của mình khi người ở thực hiện xong tất cả các công việc nặng nhọc, khó khăn và gian khổ hoặc đưa ra những thách đố hay thách cưới cao sang ngoài khả năng của những chàng trai nghèo. Đó là phú ông trong truyện: *Cây tre trăm đốt*, *Lấy chồng dê*, *Chàng ngốc được kiện*, hay là truyện *Phượng hoàng đất*.

### 3.3. NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG MÂU THUÃN XUNG ĐỘT

Mâu thuẫn và xung đột truyện giống như nút thắt mở đầu câu chuyện lên cao trào đồng thời thu hút người đọc cuốn mình theo từng chi tiết của truyện. Xung đột trong tác phẩm là sự phát triển cao nhất mâu thuẫn giữa hai hay nhiều nhân vật. Đây là lúc câu chuyện được đẩy lên cao trào bởi lúc này nhân vật sẽ bộc lộ rõ nhất tâm tư, tình cảm của mình. Có những xung đột sẽ biểu hiện sự đè nén, có xung đột thể hiện sự giằng co, sự vùng lên đấu tranh

nhưng có xung đột lại thể hiện diễn biến nội tâm của nhân vật. Nhưng dù xung đột đó có biểu hiện gì đi chăng nữa thì xung cùng đích đến của xung đột truyện vẫn là thể hiện ý nghĩa nội dung, tư tưởng của tác phẩm. Khác với các thể loại văn học khác, xung đột trong truyện cổ tích thể hiện tiếng nói chung, thể hiện ước mơ chung của cả một nhóm người, của của một lớp người, một thế hệ người.

Trước hết phải kể đến là xung đột gia đình, làng xã. Nó thường diễn ra trong phạm vi những quan hệ gia đình. Ta hiểu vì sao nhân vật bất hạnh luôn là những nhân vật thành viên lép vế nhất trong gia đình gia trưởng ngày xưa: người em út, người con riêng...(ví dụ: Tấm Cám, hai anh em với cây khế,..).

*Tấm Cám* là một trong những truyện cổ tích rất thành công trong việc sử dụng những mâu thuẫn và xung đột để thể hiện những đặc trưng của truyện cổ tích. Xuyên suốt câu chuyện là một chuỗi những xung đột giữa mẹ con Cám và Tấm và những xung đột này đã được tác giả sắp xếp thể hiện theo trình tự từ thấp đến cao. Mâu thuẫn ban đầu mới chỉ là mâu thuẫn vật chất, tinh thần nhưng càng về sau nó càng là mâu thuẫn liên quan đến quyền lợi để rồi trở thành một mất một còn. Phần đầu của truyện rất gần gũi với cuộc sống đời thường: bi kịch đầy nước mắt và tiếng thơ dài của những đứa trẻ mồ côi ở với mẹ dì ghẻ tham lam, ác độc và đứa em cùng bố khác mẹ có tính ghen ghét. Tấm phải làm quần quật, đầu tắt mặt tối, ăn đói mặc rách, còn Cám thì được ăn trắng mặc trơn, không phải mó tay động chân tới bất cứ công việc nào. Tuy nhiên *Tấm Cám*, hai tuyến nhân vật được phân định rất rõ ràng. Một tuyến nhân vật đại diện cho cái thiện, cái tốt là Tấm, ông Bụt, bà lão hàng nước,... mà Tấm là nhân vật chính. Một tuyến nhân vật đại diện cho cái xấu cái ác là mẹ dì ghẻ, Cám. Mẹ dì ghẻ và Cám đã tìm mọi cách hãm hại Tấm. Có thể nói sự hãm hại này không chỉ một lần mà xảy ra nhiều lần. Ngay từ buổi đầu, Cám đã lừa dối Tấm và cướp đi thành quả lao động của Tấm. Phải lặn lội, chăm chỉ, Tấm mới bắt được nhiều tôm tép. Cám lừa dối nhưng lại lừa chị để trút giỏ tép của chị, cướp công của chị. Giả sử chỉ như thế thôi,

cũng đủ cho ta lên án Cám về sự giả dối. Đàng này, hết lần này đến lần khác, mẹ con nhà Cám tìm cách hãm hại Tấm. Tấm chỉ có con cá bống làm bạn, nào có ảnh hưởng, có tổn hại gì đâu đến mẹ con nhà Cám. Ấy vậy mà mẹ con nhà Cám cũng tìm cách giết bống. Ngày giỗ bố, Tấm về nhà trèo lên hái cau, mẹ con nhà Cám đã chặt cau. Tấm hoá thành chim vàng anh, mẹ con nhà Cám lại giết chim vàng anh. Tấm hoá thành cây xoan đào, cây xoan đào bị chặt, đóng khung cửa. Khung cửa lại bị đốt, cuối cùng, Tấm hoá thành quả thị. Mẹ con nhà Cám đã giết Tấm quá nhiều lần. Lần sau, hành động của mẹ con nhà Cám lại độc ác, dã man hơn lần trước. Đến đây những mâu thuẫn này dường như trở thành mâu thuẫn xã hội về quyền lợi và địa vị giữa người với người. Nhân dân lao động họ đã quá vất vả với cuộc sống mưu sinh cực khổ, ai mà chẳng muốn được hưởng vinh hoa phú quý, muốn được giàu sang. Mâu thuẫn nảy sinh từ đó. Nhưng sau cùng tất cả mọi mâu thuẫn đó đều nảy sinh từ cái thiện và cái ác. Không độc ác, không có lòng tham, không có sự đố kỵ thì chẳng phải con người sẽ luôn sống vui vẻ, hòa thuận với nhau hay sao? Nhưng cái ác lại khởi nguồn của mọi vấn đề. Vì thế kết thúc câu chuyện, thiện thắng ác đã thể hiện được ước mơ của nhân dân lao động về những điều tốt đẹp sẽ luôn chiến thắng cái xấu, cái thiện sẽ lên ngôi.

Truyện *Người hóa Dế* cũng cùng nói về mâu thuẫn di ghẻ - con chồng. Người di ghẻ độc ác luôn tìm cách ức hiếp Linh – con riêng của chồng. Mụ bắt cậu bé làm lụng vất vả suốt ngày. Nhưng nếu sự việc chỉ có thể thôi thì may mắn biết bao. Vì lo lắng khi thừa kế tài sản cậu được phần hơn so với con trai mụ mà mụ di ghẻ độc ác đã không ngần ngại mà tìm cách giết chết cậu để toàn bộ tài sản sẽ thuộc về mẹ con mụ. Lòng tham trỗi dậy khiến mụ không từ một thủ đoạn nào, mụ lợi dụng tình cảm tốt đẹp của hai anh em mà xui con trai mình cầm dao đâm chết người anh cùng cha khác mẹ.

Người mẹ là người chịu tần tảo nuôi con, vất vả, khó khăn, thiếu thốn nhận lấy vào mình để cho con có tuổi thơ hồn nhiên, no ấm và luôn cảm nhận được bầu không khí hạnh phúc trong gia đình nhưng chỉ có những người mẹ

để mới tự nguyện hy sinh vì con cái mình còn người mẹ kể xuất hiện ở truyện cổ tích hầu như mang bản chất độc ác, ích kỷ. Tác giả Tô Hoài giữ nguyên đặc điểm của nhân vật mẹ kể từ truyện cổ tích để xây dựng mâu thuẫn xung đột thêm phần kịch tính hơn.

Nhân vật người em trong *Chó đá biết cười* mặc dù người em hay lam hay làm nhưng vẫn nghèo khó kiếm ăn từng ngày nhưng khi được ông đưa lên núi lấy vàng và trở nên giàu có thì vẫn giữ nguyên tình anh em như trước. Hơn nữa, đã chỉ chỗ đảo vàng cho anh để anh cũng có đời sống sung túc. Những điều nói trên nhằm bảo vệ quan hệ tình cảm, đạo đức huyết thống của gia đình thị tộc trong cổ tích.

Nói về những mâu thuẫn xảy ra ở làng xã như truyện *Quan huyện phân xử*. Vì tham lam mà một trong hai người phụ nữ đã trộm tấm vải của người còn lại: “Ngày phiên chợ có hai người đàn bà ở ngoài chợ đen nhau vào công đường. Hai người vừa đi vừa chửi nhau, có lúc la hét cào cào đánh nhau, nhưng một tay mỗi người vẫn khư khư túm đầu một tấm vải. Đến tận trước mặt quan huyện mà vẫn gằm ghè và nắm chặt hai đầu tấm vải như thế.”[12, tr.34-35] Bà ta lợi dụng lúc sớm chợ vắng người để ăn trộm. Hay mục đàn bà bị trộm mất con gà mái đang ấp vì xót của và chưa tìm ra được kẻ trộm mà chửi làm âm ỉ xóm làng. “Một lần, ông huyện đi qua giữa chợ đương âm âm léo néo tiếng chửi rủa, một người đàn bà váy xóc xếch, mặt đỏ găng, hai tay xĩa xói sa sả. Mục chửi, mục của cái đứa đem qua bắt trộm gà nhà mục. Mục chửi từ lúc gà gáy. Con gà nhà tao, mày đem chợ bán. Con gà nhà tao nó hoá con hổ, nó xé xác cả nhà nhà mày... nó hoá con rắn hổ mang hổ lửa, nó cắn chết cả nhà nhà mày ...”[12, tr.36] Kẻ trộm ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mà không nghĩ đến công sức lao động vất vả của người khác. Những kẻ tham lam nhưng không chịu làm đáng bị lên án, tẩy chay trong xã hội.

Ở truyện *Vợ chàng Trương*, tác giả giới thiệu nhân vật khá đơn giản: “Cô gái tên là Thiệt, lấy chồng là Trương Sinh người cùng làng”[12, tr.62].



Xây dựng kiểu nhân vật có mỗi đặc điểm đơn điệu như thế, phải chăng tác giả chỉ dùng nó cho mục đích dẫn dắt tính tất yếu của bi kịch ghen tuông sau này?

Nguyên nhân bi kịch ghen tuông được kể:

“Bố đi từ khi mẹ chưa sinh Đản, cho nên chẳng mỗi mấy chốc mà Đản có thể quen ngay bố được. Hôm ấy, mẹ bận đi cấy. Mẹ Đản dặn Đản ở nhà đi thăm mộ bà với bố. Nhưng mẹ ra ngoài ruộng rồi, bố dỗ mãi Đản vẫn phụng phịu không chịu đi với bố. Đản khóc:

Bố bảo:

- Con đừng khóc, bố yêu. Mai ngày phiên, bố đi chợ mua quà bánh đa về cho con.

Đản mếu máo nói:

- Không... Không phải bố Đản... Bố Đản khác kia...

Trương Sinh nghe con nói mà choáng người. Trương Sinh lại hỏi:

- Thế bố Đản thế nào?
- Bố Đản đến tối mới về.

Câu nói tự nhiên của đứa trẻ làm cho Trương Sinh nghẹn ngào lên đến cổ, nghiến răng:

- Trời ơi! Trời ơi!

Thằng bé sợ quá chạy vào xó cửa. Trương Sinh thì nằm dài ngay ra mặt đất đầu nhà.

Xế trưa, nàng Thiết ở ngoài đồng về, rửa chân dưới cầu ao rồi lên nhà.

Trương Sinh ngồi bật dậy, chỉ vào mặt, quát:

- Mày là đứa ăn ở hai lòng. Mẹ chết, chồng đi vắng, tối tối mày rước trai về nhà.”[12, tr.64]

Bi kịch trong *Vợ chàng Trương* là Thiết tìm đến cái chết trong sự bế tắc về tinh thần. Do cơn hoảng loạn không kiềm chế được, nên nàng đã đâm đầu xuống bến Hoàng Giang trong trạng thái tâm lí hoàn toàn vô thức. Một cái chết trong căng thẳng, ức chế thần kinh nên nàng không thể kiểm soát được hành động của bản thân. Tất nhiên, không phải người phụ nữ nào trong hoàn cảnh bị bạo lực đều mất tự chủ, không có khả năng bảo vệ bản thân như nàng.

Tuy không làm chủ được tình thế để đến nỗi phải tìm cái chết. Một cái chết mang hiện tượng của bệnh lí không nằm trong chủ quan của nàng, thật đáng thương! Do con ghen mù quáng của Trương Sinh, Thiết mới ra nông nỗi ấy. Vì thế, chính chàng Trương cũng phải chịu một phần trách nhiệm về cái chết của vợ. Bởi đến với cái chết như thế, nên những giá trị nàng có vẫn không hề mất đi. Và điều đặc biệt hơn nữa, phẩm chất nàng đã được đề cao trong lòng người bằng tất cả sự tôn thờ. Đọc *Vợ chàng Trương*, đọng lại trong lòng người đọc là sự xót xa, thương cảm trước một số phận bi đát do hậu quả ghen tuông đưa lại.

Nỗi oan hại chồng và cái án hoang thai là hai cái nút chính trong truyện *Oan Thị Kính*. Qua đó, tác giả phản ánh bi kịch trong thân phận của người phụ nữ nghèo khổ thời phong kiến. Hai sự kiện tuy thuộc hai mảnh đời khác nhau của Thị Kính nhưng liên hệ chặt chẽ với nhau. Cảnh ngộ nào cũng éo le, đau đớn nhưng mỗi cảnh ngộ lại có một vẻ riêng. Chúng kết hợp với nhau, bổ sung cho nhau để hoàn chỉnh tâm bi kịch về cuộc đời người phụ nữ.

Thị Kính là nàng dâu ngoan hiền nết na, thùy mị nhưng chỉ vì muốn cắt cọng râu mọc ngược ở cằm chồng mà nàng bị chính chồng mình buộc tội giết chồng. Cô cố gắng giải thích nhưng Thiện Sĩ không những không nghe mà còn lớn tiếng quát nạt. Bố mẹ Thiện Sĩ ở ngoài nhà chạy vào tuy chưa rõ đầu đuôi câu chuyện ra sao nhưng mẹ Thiện Sĩ đã chửi bới, xỉa xói Thị Kính, bố chồng thì trối cô mang ra trình làng mặc dù cô khóc lóc van xin. Rốt cục không ai lắng nghe Thị Kính giải thích mà tất cả đã vội kết cho cô tội giết chồng. Gia đình nhà chồng đã gây ra cho Thị Kính những nỗi oan chồng chất. Nàng bị hàm oan, hạnh phúc tan vỡ, bị đuổi khỏi nhà chồng. Nàng bèn giả trai đi đến nơi thật xa và xin vào một ngôi chùa quy y. Tưởng rằng cuộc đời nàng sẽ yên ổn từ đây nhưng không, chú tiểu Kính Tâm đẹp người lại đẹp nết khiến bao cô gái làng chết mê chết mệt trong đó có Thị Mầu con gái phú ông. Oan nghiệt cũng từ đây mà ra. Thị Mầu lang chạ có mang rồi lại khai là ăn nằm với chú tiểu Kính Tâm. Kính Tâm bị phạt vạ và đuổi ra khỏi chùa nhưng sư

ông thương tình xin cho nàng ở lều ngoài vườn. Thi Mầu sinh ra đứa trẻ rồi bỏ ở cổng chùa, Kính Tâm chịu đủ khổ nhục đi khắp nơi xin sữa nuôi đứa trẻ. Mãi cho đến khi chết Thị Kính mới được giải oan.

Hay câu chuyện *Chuyện chim quốc* kể về hai người bạn thân Quắc và Nhân đều mồ côi cha mẹ nương tựa vào nhau lúc đói kém, ốm đau. Thế rồi đến lúc đói kém, khó khăn quá hai người cũng đành phải chia tay nhau để đi kiếm cái ăn. Vất vả mãi, Nhân cũng trở nên khấm khá có của ăn của để nhưng Nhân nhớ thương người bạn khi còn nghèo đói của mình. Nhân cất công đi tìm Quắc khắp nơi, cuối cùng cũng tìm thấy bạn. Quắc từ khi chia tay vẫn vất vả bữa đói bữa no như trước. Nhân nài nỉ đón bạn về nhà mình. Về nhà, Nhân sắm sửa quần áo mới cho bạn và dặn người nhà phải lễ phép với Quắc như ông chủ.

Nhưng mâu thuẫn cũng từ đây mà ra. Dù Nhân đã kể hết chuyện ngày xưa với vợ và bảo vợ rằng Quắc chẳng khác người ruột thịt của tôi nhưng vợ Nhân nghe cũng chẳng thêm để ý. Dần dà vợ Nhân khó chịu ra mặt, ả hết day nghiêng chồng lại nói cạnh khoe Quắc. Quắc cũng biết là ả chửi bóng chửi gió mình nhưng nể bạn nên cứ nản nã. Một hôm, nhân lúc còn tối đất, Quắc lên bỏ đi. Đến ngày Nhân về, không thấy Quắc đâu liền bỏ đi tìm bạn khắp nơi nhưng vẫn không thấy bạn đâu. Rồi một hôm nghe người ta nói ở rừng có áo của ma Nhân liền đến tận nơi xem. Đúng là áo của bạn rồi, Nhân gọi bạn đến ngã gục đi rồi hóa thành chim quốc gọi bạn. Đến khi Quắc chết hóa vào chim đỗ quyên như để đáp lại lời gọi của bạn mình. Buồn thay, hai con người cùng hoàn cảnh, cùng nương tựa nhau khi khốn khó đến lúc khá giả tưởng có thể vui vẻ sống cùng nhau nhưng vì lòng ích kỉ của người vợ mà khiến đôi bạn lại phải chia lìa. Vì ích kỉ không chịu hiểu cho tình bạn của chồng mà gián tiếp hại chết chồng. Đến lúc nàng nhận ra và hối hận thì tất cả đã quá muộn rồi.

Trước sự nghiệt ngã trong xã hội có giai cấp, người dân lao động đấu tranh chống lại những thế lực xâm phạm nhân quyền của họ; đồng thời tự khẳng định bằng cách nâng lời sống của mình lên thành một triết lí.

Nhân vật mồ côi sinh ra trong nghèo khó, bất hạnh, phải sống cô đơn một mình. Họ phải vượt qua những khó khăn, thử thách nhờ có phẩm chất tốt đẹp vốn có của mình với ý chí, nghị lực kiên cường và được sự hỗ trợ đặc lực của các thế lực siêu nhiên để giành được hạnh phúc. Các nhân vật mồ côi trong truyện thần kì Việt Nam như nhân vật Cuội trong *Chú Cuội cung trăng*, nhân vật anh thợ cày trong *Cây tre trăm đốt*, nhân vật mồ côi trong *Chuyện chàng đốn củi*, chàng Ngốc trong *Chàng ngốc được kiện*, Phụng hoàng đất, chàng Ngốc trong câu chuyện *Đi học khôn*, nhân vật Đê trong truyện *Viên ngọc xanh*. . .

Nói tóm lại, mâu thuẫn xung đột là một yếu tố quan trọng trong thi pháp truyện cổ tích nói chung và truyện cổ tích viết lại nói riêng. Nó góp phần quyết định tạo nên giá trị và sức sống cho tác phẩm; chi phối tất cả những biến cố, sự kiện, tình tiết của tác phẩm.

## KẾT LUẬN

Thế giới nhân vật có vai trò rất quan trọng trong các tác phẩm văn học. Thế giới nhân vật trong truyện gắn liền với cái đẹp, nó góp phần trong việc phát triển thẩm mỹ cho thiếu nhi. Trẻ con không chỉ cảm nhận cái đẹp bằng con mắt mà còn bằng cả con tim, các em có thể tỏ thái độ của mình về điều thiện điều ác, biết yêu quý và chăm sóc nhưng người xung quanh mình. Thế giới nhân vật ấy còn đem đến cho trẻ những bài học về giá trị đạo đức, dạy cho các em những giá trị làm người, đó là giáo dục lòng nhân ái cho trẻ thơ. Nó hiệu quả hơn rất nhiều những bài giảng trừu tượng về đạo đức khô khan, nhàm chán.

Trong tập *Chuyện ngày xưa – Một trăm cổ tích* Tô Hoài đã lựa chọn tinh tế nhất, gần gũi nhất, đặc sắc nhất để miêu tả nhân vật. Thế giới những nhân vật đó không hề xa rời cuộc sống vì nó chính là mẫu chuyện xoay quanh cuộc sống hàng ngày của con người, của loài vật.

Với việc sử dụng “tích cũ” để viết lại truyện cổ tích, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt những câu chuyện vốn chỉ là tâm sự của một người, hay những than thở về cuộc sống, hay mẫu chuyện thường ngày qua con mắt của Tô Hoài không hề nhàm chán đã trở thành những thứ rất mới, rất lạ và rất giá trị. Qua đó những triết lí sống cũng được đề cập đến nhẹ nhàng, không dập khuôn mà vẫn để lại âm vang nhất định trong lòng người đọc.

Một cuốn sách hay có khi có thể khơi nguồn ước mơ hi vọng của cả một cuộc đời. Có thể khẳng định rằng, tập *Chuyện ngày xưa – Một trăm cổ tích* của Tô Hoài thật sự là những tác phẩm tiêu biểu của truyện cổ tích viết lại dành cho thiếu nhi Việt Nam góp phần không nhỏ trong việc giáo dục các em cả về trí tuệ và nhân cách làm người. Những bài học giáo dục nhẹ nhàng mà đầy tính nhân văn sẽ là những viên gạch đặt nền móng cho sự phát triển nhân cách của các thế hệ thiếu nhi. Thế giới nhân vật trong tác phẩm của ông sẽ không chỉ là những người bạn nhỏ đáng yêu mà còn là những tấm gương, những người thầy giúp thiếu nhi có cách nhìn, cách cảm nhận về thế giới tươi đẹp này.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân (2003), *150 thuật ngữ văn học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Phan Cự Đệ (1975), *Nhà văn Việt Nam 1945 – 1975*, Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
3. Hà Minh Đức (1987), *Tuyển tập Tô Hoài - tập 1*, Nhà xuất bản Văn học.
4. Hà Minh Đức (2001), *Lời giới thiệu, Tuyển tập Tô Hoài*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
5. Hà Minh Đức (chủ biên, 2003), *Lí luận văn học*, Nhà xuất bản Giáo dục.
6. Hà Minh Đức (2007), *Tô Hoài, đời văn và tác phẩm*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
7. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2000), *Từ điển Thuật ngữ văn học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
8. Tô Hoài (2003), *101 truyện ngày xưa*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
9. Tô Hoài (2005), *Đế mèn phiêu lưu kí*, Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà Nội.
10. Tô Hoài (2006), *Nhà Chử, Đảo hoang, Chuyện nỏ thần*, Nhà xuất bản Kim Đồng, Hà Nội.
11. Tô Hoài (2015), *Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích Tô Hoài - tập 1*, Nhà xuất bản Kim Đồng.
12. Tô Hoài (2015), *Chuyện ngày xưa - Một trăm cổ tích Tô Hoài - tập 2*, Nhà xuất bản Kim Đồng.
13. Châu Minh Hùng – Lê Nhật Ký (2003), *Văn học cho thiếu nhi*, Đh Quy Nhơn.
14. Trần Gia Linh (2015), *Văn học dân gian hiện đại*, Nhà xuất bản khoa học xã hội.
15. Lã Thị Bắc Lý (2000), *Truyện viết cho thiếu nhi sau năm 1975*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.

16. Trần Đức Ngôn (chủ biên) – Dương Thu Hương (1994), *Văn học thiếu nhi Việt Nam: Dừng cho hệ đại học tại chức đào tạo giáo viên tiểu học*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội I.
17. Nhà xuất bản giáo dục (1999), *Những đặc điểm thi pháp của thể loại văn học dân gian*.
18. Nhiều tác giả (1982), *Văn học và trẻ em*, Nhà xuất bản Kim Đồng, Hà Nội.
19. Nhiều tác giả (1983), "Bàn về văn học thiếu nhi", Tạp chí Văn học.
20. Hoàng Phê (chủ biên) (2007), *Từ điển Tiếng Việt 2007*, NXB Đà Nẵng.
21. Cao Đức Tiến (2005), *Văn học*, Nhà xuất bản giáo dục.
22. Vân Thanh (1980), "Tô Hoài qua tự truyện", *Tạp chí Văn học*, số 9.
23. Hoàng Tiến Tựu (1990), *Văn học dân gian Việt Nam (tập 2)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.